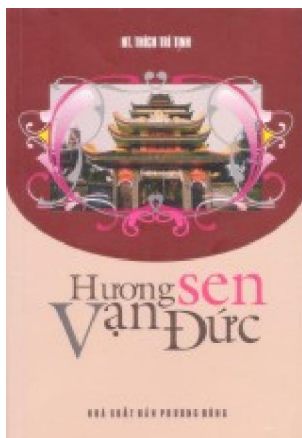


Hương Sen Vạn Đức

Nhà Xuất Bản 2006



HT Thích Trí Tịnh



Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 17-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI ĐẦU SÁCH

Tiểu sử Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

Phần I - KHUYẾN TẤN TU HÀNH

1. Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Quý Mùi (2003)
2. Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Giáp Thân (2004)
3. Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Ất Dậu (21/08/2005)
4. Mừng 01 Tết năm Bính Tuất (2006)
5. Ngày xuân nói chuyện dịch kinh

Phần II - KHAI THỊ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

1. Tại sao lại niệm “ Nam mô A-mi - đà Phật ?”
2. Tọa thiền niệm Phật
3. Yếu chỉ pháp trì danh niệm Phật
4. Kệ niệm Phật hạ thủ công phu

5. Pháp môn niệm Phật là phương tiện thù thắng của Như Lai.
Phần III - NHỮNG CẢNH SEN TRẮNG

Phần IV - PHỤ LỤC

TRUYỆN VÃNG SANH CÓ CHỨNG NGHIỆM

1. NÁN LẠI MỘT NGÀY

2. Y NGUYỄN VÃNG SANH

3. BIẾT TRƯỚC NGÀY GIỜ VÃNG SANH

4. BÀ LÝ THỊ CÚC

48 ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

LỜI SAU CÙNG

---o0o---

LỜI ĐẦU SÁCH

Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh, viện chủ chùa Vạn Đức, là một bậc Tông Lâm Thạch Trụ, đã phiên dịch nhiều bộ kinh lớn, khiến cho giáo nghĩa Đại thừa được lưu thông, Phật pháp được lưu truyền trong tứ chúng. Những vị Tăng tài tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài rất đông. Ngài tinh thông cả Thiên – Giáo, nhưng chỗ thực hành và khuyến tấn người chính là Pháp môn Trì danh niệm Phật.

Năm 1955, Hòa Thượng mở hội niệm Phật tại chùa Vạn Đức, lấy tên là Cục Lạc Liên Hữu, xiển dương pháp môn Tịnh Độ. Lời khai thị của Hòa Thượng bình dị, không chuộng cao siêu, chú trọng ở chỗ chân thật công phu tu hành. Với tâm từ bi, Hòa Thượng luôn luôn ân cần nhắc nhở Tăng Ni, Phật tử phải nhớ quán vô thường để được tinh tấn trong việc tu hành, không nên bỏ phí thời gian; giữ gìn giới luật, thực hành ăn chay, phóng sanh, niệm Phật câu sanh Tây Phương nhằm thoát khỏi sinh tử luân hồi, thẳng tiến đến quả vị Phật.

Chúng tôi nhận thấy điều quý báu trên nên đã sưu tập những buổi nói chuyện, những bài thuyết pháp, cùng trích dẫn những trước tác của Ngài, tập hợp thành sách lấy tựa đề là “Hương Sen Vạn Đức”. Chúng tôi với chỉ tâm nguyện góp một phần nhỏ trong việc lưu truyền chánh pháp của Đức Phật nói chung và pháp môn Tịnh độ nói riêng, nhằm giúp cho mọi người nhận rõ giá trị chân thật của pháp Trì danh niệm Phật. Từ đó, mạnh mẽ tinh tấn tu hành, không nghi ngờ, không do dự, thẳng bước về Cục Lạc.

Chúng tôi xin tri ân ĐĐ. Thích Chân Tính (Trụ trì chùa Hoàng Pháp), Thầy Pháp Đăng... cùng chư Pháp hữu đã tận tâm giúp đỡ để quyển sách này được hoàn thành.

Việc lành này, nguyện hồi hướng đến bốn ơn ba cõi, khắp cả chúng sanh trong pháp giới đồng tu Tịnh độ, đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo.

Nam mô A-di-đà Phật!

Chùa Vạn Đức
Ngày 08 tháng 02 Bính Tuất (2006)
Tỷ kheo Thích Hoằng Tri kính ghi

* * * * *

Tiểu sử Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

Hòa thượng pháp danh là Thiện Chánh, tự Trí Tịnh, pháp hiệu Hân Tịnh, húy Nhựt Bình, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Hòa Thượng: Thượng Thiện Hạ Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cẩm, Châu Đốc. Hòa thượng thế danh là Nguyễn Văn Bình, sanh ngày 17 tháng 10 năm 1917 (02/09 năm Đinh Tỵ), tại xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp), là con út trong gia đình có sáu anh chị em.

Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chơn chất. Cụ ông qua đời lúc Hòa thượng mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Hòa thượng vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Hòa thượng ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đăng (nay đã qua đời). Hòa thượng có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư thì mất sớm.

Đến năm 10 tuổi, Hòa thượng mới vào học lớp năm (thời đó, lớp năm là lớp thấp nhất). Hòa thượng rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu. Ban đêm còn đọc truyện Tàu cho mọi người nghe. Đúng 15 tuổi, Hòa thượng học đến lớp đệ thất, rồi sang học chữ Nho với người chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

Hòa thượng thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục. Từ đây, Hòa thượng bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Thiên Chúa, Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo, vì chủ thuyết của các tôn giáo kia có nhiều điểm Hòa thượng không thỏa mãn được. Từ đó, Hòa thượng âm thầm tập niệm Phật, trì chú, và quán từ bi. Ngài đến các chùa, đa số thấy quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, cúng bái, đi đám. Trên bàn thờ thì tối om, thờ nhiều tượng, tượng nào cũng đội khăn đỏ trông phát sợ nên không có cảm tình lắm. Hòa thượng cho rằng, các vị cao Tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có ý hoài vọng các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Hòa thượng bắt đầu ăn chay trường. Ứng theo điềm chiêm bao, Hòa thượng thấy có một ông già bảo rằng: "Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước", ông già còn bảo thêm: "Chùng nào cọp chết, rắn mới về non" (Hòa thượng tuổi Tỵ).

Năm 1937, lúc Hòa thượng 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cọp con, đem về nuôi được chín, mười ngày thì nó chết. Ứng điềm chiêm bao, Hòa thượng liền thu xếp

tìm đường xuất gia. Trước đó, tuy đã có ý định xuất thế cho sớm nhưng còn người chị thứ sáu chưa lập gia đình nên không nỡ bỏ đi. Nay bà chị đã yên bề gia thất, Hòa thượng yên tâm ra đi, để lại cho các anh chị mỗi người một lá thư và một tấm hình.

Hòa thượng đi thẳng lên núi Cẩm, vì trước đã nghe có nhiều vị chân tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả giày dép. Hòa thượng nhảy từ tảng đá này qua tảng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là ai. Và rồi nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh, là một ngôi chùa ở xa và cao nhất. Hòa thượng vào chùa xin xuất gia. Lúc đó, Hòa thượng trụ trì không ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bia rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Tịnh độ mời vào dạy bảo Tăng chúng ít lời. Hôm ấy là tối 14 tháng 02 năm Đinh Sửu, ngày Sám hối giữa tháng. Sau giờ Sám hối, chúng ra thưa, Hòa thượng trụ trì vào, Hòa thượng trụ trì nhìn sững Hòa Thượng hồi lâu rồi mới nói rồi mới nói với đại chúng: "Bay đừng khinh thường tăng này. Đồi trước nó đã làm Hòa thượng, đồi nay nó cũng làm Hòa thượng, nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đồi này bị bệnh mất suốt đời. Thế là hôm sau, Hòa Thượng được thế phát vào ngày vía Phật nhập Niết bàn.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng lãnh việc viết sớ điệp. Hòa Thượng trụ trì cho Ngài ở cái thất nhỏ trong vườn chùa. Ngoài các việc và thời khóa trong chùa, Hòa Thượng còn ra thất tụng kinh và làm bốn phận hết sức cần mẫn. Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đôi Hòa Thượng trụ trì phải cảnh cáo. Có lúc đang ăn, vì quá để tâm đến sự tu nên rơi chén lúc nào mà không hay.

Nhận được tạp chí Từ Bi Âm, Hòa Thượng phát khởi ý nguyện học rộng Phật Pháp. Cuối năm 1939, Hòa Thượng xin phép Hòa Thượng trụ trì xuống núi về Saigon để tìm học kinh luật.

Về đến Saigon, Hòa Thượng cùng thầy Thiện Phước ra núi Thị Vải tìm chỗ thích hợp để cất thất. Sau cùng, tìm được một điểm tương đối tốt gần chùa Tổ (nay là Linh Sơn Bửu Thiên). Trong chùa có cho mượn dụng cụ đốn cây và dẫn nước về. Thời gian đó chưa có ai ở nhiều, nên sơn lam chướng khí rất nặng. Vì thế, chẳng mấy hôm, Hòa Thượng và thầy Thiện Phước đều bị bệnh sốt rét, lên cơn từng cơn. Thấy không kham nổi nên hai người đồng xuống chân núi. Thầy Thiện Phước thì tá túc nơi am của bà Năm, Hòa Thượng thì tá túc nơi hang đá của bà Bảy. Vài hôm sau, thầy Thiện Phước tịch. Hòa Thượng bèn về Saigon tá túc ở chùa Tịnh Độ, Gò Vấp. Chùa này do ông Tư Lành làm xếp ga xây dựng lên. Nhà ông ở phía trước, chùa xây phía sau có thỉnh quý thầy để trụ trì. Hòa Thượng đến bệnh viện Saigon để điều trị nhưng cũng chẳng thuyên giảm. Thấy vậy, Ngài tự nguyện với lòng: "Có chết như huynh Thiện Phước cũng chẳng sao". Thế nên, không quan tâm đến việc trị bệnh nữa mà phát tâm tả kinh Pháp Hoa. Có một Phật tử biết tâm nguyện của Hòa Thượng, giúp tìm mua giấy mực. Đến ngày 14 tháng 10 là tả xong. Đúng hôm ấy, trong khi gởi đề đóng lại thành quyển, chưa đem về thì có ông Mười là bốn đạo trong chùa đến nói với Hòa Thượng: "Tôi biết có ông thầy kia trị bệnh sốt rét hay lắm, để tôi đưa huynh đến đó xem sao!".

Ông bèn lấy xe đạp chở Hòa Thượng đến đó. Ông thầy thuốc không có nhà riêng, ở đậu nhà người ta mà làm thuốc. Sau khi hỏi bệnh trạng và giờ lên cơn, ông nói bệnh nặng

lắm vì lên cỡ khuya. Ông vào nhà sau, một lúc đem ra cục thuốc để trên miếng giấy, quan sát thì Hòa Thượng biết có ớt và tỏi đâm chung. Ông bảo trước khi lên cỡ nửa tiếng, lấy tay mặt vớ ra sau lưng, từ trên cổ lần xuống hết ngón tay giữa chấm chỗ nào thì đó là huyết cao quan, lấy cục thuốc in vào đó (cục thuốc được để trên miếng giấy mỏng chừng 3 ngón tay), rồi cứ ngồi ngay ngắn chờ. Hòa Thượng về làm y như vậy. Nửa tiếng sau khi in cục thuốc, cơn sốt rét bắt đầu kéo đến. Như mọi lần, nó bắt đầu từ xương khu quặt lên như con rắn bò, đến cục thuốc nó dừng lại và quặt vòng quanh đó dữ lắm rồi lại ngưng, làm như vậy ba lần rồi ngưng luôn. Từ đó căn bệnh sốt rét dứt hẳn.

Sau khi hết bệnh, Hòa Thượng ở lại chùa đó một thời gian ngắn nữa. Về sau, có người em gái họ đã xuất gia, Pháp danh là Diệu Trí ghé thăm. Cô ấy có khoe với Hòa Thượng là được học kinh này kinh nọ và khuyên Hòa Thượng nên tìm học. Lúc bấy giờ, chỉ có trường An Nam Phật Học mở ở chùa Báo Quốc tại Huế, trong tâm Hòa Thượng khởi ý đi Huế từ đó.

Đầu năm 1940, Hòa Thượng về lại Cái Tàu để xin giấy ra Huế học, nhưng chính quyền không cho, bảo Hòa Thượng phải ở lại năm bảy tháng mới cấp giấy. Hòa Thượng không chờ được nên lên Saigon tìm cơ hội để đi, được một thí chủ là ba Ba Hộ (chủ đất chùa Vạn Đức) cúng dường 15 đồng làm lộ phí. Đứng ra, đi tàu suốt đến Huế thì khỏe hơn, nhưng bấy giờ, Huế thuộc vùng bảo hộ của Pháp, còn miền Nam là thuộc địa, nên ra đây phải có giấy như xin Passport ra nước ngoài vậy. Vì thế, Hòa Thượng phải đi từng chặng. Hòa Thượng lên tàu đi Phan Thiết, đến nơi thì đã trưa, Hòa Thượng kêu xe kéo đến chùa nào gần cũng được, vì thật sự cũng không biết chùa nào mà đến. Xe kéo Hòa Thượng đến chùa Bình Quang, Hòa Thượng vào chùa xin cơm. Chùa dọn cơm xong, lúc sắp ăn thì vị Ni trụ trì nói: “Huynh à! Chư Tăng ở đây đi đường hay ăn cơm là phải mặc áo dài, sao huynh không mặc?”. Hòa Thượng làm tỉnh, trong bụng thầm nghĩ: “Cũng muốn mặc lắm nhưng có đâu mà mặc”. Sau này vị Ni đó vẫn còn nhớ chuyện cũ, trong tâm tiếc rằng phải chi lúc ấy cúng dường cho Hòa Thượng một hai cái áo dài nào có khó gì, lại còn gieo được phước lành cúng dường bước đầu cho một vị cao Tăng sau này.

Sau khi ăn cơm xong, Hòa Thượng lại tiếp tục ra bến xe để đi Bình Định, vì trước khi đi, Hòa Thượng có đến tòa soạn báo Từ Bi Âm, gặp Hòa Thượng trụ trì chùa Liên Tôn ở Bình Định, lúc đó là Phó chủ bút, còn Hòa Thượng Bích Liên làm chủ bút. Ra đến Bình Định, Hòa Thượng tìm lại chùa Liên Tôn. Hôm đó, Hòa Thượng trụ trì còn ở Thành phố chưa về. Trong chùa, chỉ có một vị thầy trông coi gọi là thầy Khố. Ít hôm sau, Hòa Thượng trụ trì về, có cả cô Diệu Trí và có thị giả. Hòa Thượng bèn xin tạm ở đây tu học. Hòa Thượng trụ trì nhờ Hòa Thượng viết lại Bát Nhã tâm kinh mà Hòa Thượng đã giảng và in từng kỳ trong báo Từ Bi Âm, ghép lại thành tập để in ra phổ biến. Thời gian đó, Hòa Thượng trụ trì có giảng “Cảnh Sách Cú Thích Ký”, chủ yếu là dạy cho cô thị giả, Hòa Thượng và cô Diệu Trí cũng theo học. Cô Diệu Trí có nhờ ngoài Bắc thỉnh một số kinh chữ Hán, giúp đỡ cho Hòa Thượng có tài liệu để học. Cô Diệu Trí đề nghị Hòa Thượng nên ra Huế vào trường học tốt hơn. Thế nên, Hòa Thượng ở đó được ba tháng thì tiếp tục lên đường ra Huế, còn cô Diệu Trí thì về lại Saigon. Lúc đó là tháng 08 năm 1940.

Ra đến Huế, Hòa Thượng cũng không biết đến chùa nào, mới nhờ mấy người kéo xe. Họ nói ở chùa Tây Thiên có quý thầy ở miền Nam ra. Hòa Thượng nhờ họ kéo đến đó. Chùa Tây Thiên là chùa của Hòa Thượng Giác Nhiên, vị tăng Thống thứ hai của GHPGVNTN. Ở đó, Hòa Thượng gặp Hòa Thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa. Hòa Thượng Giác Tâm chùa Duyên Giác ở Bến Tre thì đã ra trường trước. Ở đây cũng có dạy kinh Lăng Nghiêm. Sau buổi học, thầy Giác Tâm bảo Hòa Thượng đọc lại phần đã học. Hòa Thượng đọc lại, giảng nghĩa rành rẽ. Thầy Giác Tâm thấy thế mới đề nghị Hòa Thượng nên đến trường lớp, vấn đề liên hệ thầy Giác Tâm sẽ lo cho.

Hòa thượng được nhận vào học và được cấp học bổng, vì một thân một mình không ai bảo trợ. Khi Hòa thượng vào học thì lớp đó là năm thứ sáu của Tiểu học (Sơ cấp) còn vài tháng nữa là thi lên Trung học (Trung cấp). Các môn khác thì Hòa thượng học không khó lắm, chỉ có môn Duy Thức là mù tịt không biết gì. Lúc đó đang dạy Duy Thức Dĩ Giản sắp hết, Hòa thượng mới mượn tập xem lại từ đầu và dần dần hiểu ra. Sao khi hết quyển cho làm bài kiểm tra với chủ đề là Bát Thức Đồng Dị. Bài đó, Hòa thượng được chấm chín điểm rưỡi, cao nhất lớp. Việc này đã làm xao động trong chúng. Hòa thượng được Hòa thượng Đốc Giáo đề ý. Đến cuối năm, khi thi lên Trung cấp, học chúng lo ngại nếu Hòa thượng đứng đầu thì mất thể diện những người học lâu. Sau khi thi viết, đến phần khảo hạch miệng. Bác sĩ Lê Đình Thám phụ trách môn này. Cách thi là lật quyển sách nhằm trang nào thì giải thích trang đó. Vì lật nhằm trang chưa học nên Hòa thượng giải thích chưa được trúng lắm. Giáo sư Lê Đình Thám cười và nói: "Chú này đến sau, mà sau này sẽ hữu dụng!". Chung cuộc, Hòa thượng cũng được đứng hạng bảy.

Đầu năm 1941, Hòa thượng thọ giới Sa-di tại Huế với Đại lão Hòa thượng chùa Quốc Ân. Sau đó, tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942. Đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An Nam Phật Học dời vào Tông Lâm Kim Sơn, Hòa Thượng được Hội và Ban giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường. Kế đó, vì nạn đói ở Huế cũng như cả miền Bắc, nhà trường quyết định chuyển học Tăng Sơ đẳng và Trung đẳng khoảng 40 vị vào Nam và giao toàn chúng cho Hòa thượng quản lý. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Trí Quang lo chỗ nơi, mục tiêu hướng đến là Lưỡng Xuyên Phật Học. Vào đến Nam, đoàn học Tăng tạm ở lại chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho do thầy Trí Long trụ trì. Thầy Trí Long cũng là một học Tăng trong đoàn. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Trí Quang trở về Lưỡng Xuyên lo sắp xếp, còn Hòa thượng về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất. Ngày 19 tháng 06 năm 1945, Hòa thượng được thọ Đại giới tại Đại Giới Đàn tổ chức tại chùa Long An, Sa Đéc, do Đại lão Hòa thượng chùa Kim Huê làm Hòa thượng đàn đầu.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 phát động, Lưỡng Xuyên Phật Học bị phân tán. Hòa thượng Thiện Hoa về chùa Phật Quang ở Trà Ôn, Cần Thơ do Hòa thượng Thiện Tâm là anh ruột làm trụ trì, xây dựng tạm mái trường. Hòa thượng từ Sa Đéc về Phật Quang, cùng Hòa thượng Thiện Hoa tập họp các học Tăng lập thành trường Phật Học Phật Quang, khai giảng vào cuối năm. Học Tăng trường Phật Quang phần đông là học viên mới còn tập cũ phân động tự phân tán vì quốc biến.

Cuối năm 1946, gặp nạn thổ dậy, địa phương không được ổn định. Hòa thượng dời một số học Tăng về tạm ở chùa Vạn Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn. Sau đó, Hòa Thượng

cùng thầy Huyền Dung xây dựng thành lập Liên Hải Phật Học Trường, quy tụ số học tăng khoảng 70 vị từ khắp các nơi về. Trong đó có Hòa Thượng Đạt Từ ở chùa Thiên Tôn (Thủ Đức) đến giúp và giữ chức Giám trường, Hòa Thượng Quảng Liên và Hòa Thượng Quảng Huệ cũng về hợp tác, thầy Minh Cảnh được xuất gia ở đây, Hòa Thượng đã tổ chức được một Đại giới đàn tại đây và Hòa Thượng Quảng Liên cũng như Hòa Thượng Bửu Huệ được thọ Đại Giới tại giới đàn này.

Đến năm 1950, Hòa Thượng có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở chùa Linh Sơn, Cổ Tụ (Vũng Tàu), nên giao toàn trường cho Hòa Thượng Thiện Hoa vừa ở Bắc về quản lý. Năm 1951, Hội chùa Linh Sơn thỉnh Hòa Thượng làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý.

Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập ở Saigon, Hòa Thượng được mời giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật. Kế đó, Giáo Hội Tăng Già toàn quốc được thành lập, Hòa Thượng được cử vào các chức vụ: Trưởng Ban Giáo Dục, Ủy viên Phiên Dịch Tam Tạng và Phó Trị Sự Trưởng, vì có nhiều trọng trách trong Giáo Hội nên tháng 04 năm 1954, Hòa Thượng trao quyền trụ trì chùa Linh Sơn lại cho Thượng Tọa Tịnh Viên, cho đến năm 1995 thì Thượng Tọa Tịnh Viên viên tịch.

Với hoài bão truyền đăng tục diệm, hoằng dương chánh pháp, kiến tạo Già Lam, Hòa Thượng được Phật tử cung thỉnh về ngôi chùa cổ kính không người thừa kế trên một vùng đất hoang vu vắng vẻ ít người đi lại, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Tâm Bình, quận Thủ Đức, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TPHCM. Nơi đây, Hòa Thượng khai sơn tạo dựng Già Lam, lấy tên là Vạn Đức. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Hòa Thượng, Tang Ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay, nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương tịnh Độ, hướng dẫn chúng sanh đời mạt pháp, Hòa Thượng thành lập Cục Lạc Liên Hữu, khuyến tấn người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ. Cục Lạc Liên Hữu được Hòa Thượng khai hóa đã khơi dậy phong trào tu tập, khuyến tấn hành giả tín hướng chỉ quy Tịnh Độ. Hòa Thượng là vị Tổ Sư đương thời chân hưng Tịnh Tông trong tòa nhà Phật Giáo Việt Nam. Hòa Thượng rất quán triệt Thánh điển, tinh tường y dược Đông Phương, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam thẩm nhuần được kinh điển Đại Thừa phần lớn do công trình dịch thuật của Hòa Thượng.

Dịch phẩm của Hòa Thượng rất có giá trị, Hòa Thượng quý chuộng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng chơn chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng lưu thông, thâm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh.

Năm 1947, Hòa Thượng dịch kinh Pháp Hoa ở Liên Hải Phật Học Trường. Sau đó là kinh Tam Bảo, Địa Tạng, Phẩm Phổ Hiền.

Năm 1951, do yêu cầu của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Hòa Thượng Việt dịch Bồ Tát giới để tụng trong ngày Bồ Tát.

Năm 1952, trước tác bộ Đường Về Cục Lạc tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

Năm 1964, dịch kinh Hoa Nghiêm ở chùa Vạn Đức, rồi tiếp tục kinh Đại Bát Niết Bàn, Đại Bát Nhã.

Năm 1972, dịch Đại Bửu Tích, Hán Bộ 01-120.

Năm 1978, được phép in nên dịch thêm hai tập, Hán Bộ từ 121-150.

Rồi dịch Văn Thù Vấn Bát Nhã, Hán Bộ từ 151-155; Vô Tận Ý Bồ Tát, Hán Bộ từ 156-159; Thập Lục Quán Kinh, Hán Bộ 160.

Tất cả ghép chung vào Đại Bảo Tích để tiện viện xin phép.

Năm 1962, Hòa Thượng được bổ nhiệm làm Phó Viện Trưởng Phật Học Viện Trung Phần.

Năm 1964, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Hòa Thượng làm Trưởng đoàn Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Việt Nam, được suy cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự.

Năm 1973, làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1978, Hòa Thượng được Hòa Thượng Tăng Thống tấn phong giáo phẩm cùng ba vị là: Hòa Thượng Trí Nghiêm ở Nha Trang, Hòa Thượng Giác Tấn ở chùa Nguyên Thiều, Bình Định và Hòa Thượng Minh Tâm ở Phan Rang.

Huy hiệu bánh xe Pháp Luân 12 cãm của GHPGVNTN là ý kiến của Hòa Thượng (Tam chuyển Pháp Luân Tứ Đế).

Năm 1981, GNPGVN thành lập, Hòa Thượng được suy cử làm Phó Chủ Tịch Thường Trực.

Năm 1982, kiêm thêm Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội.

Năm 1984, Hòa Thượng chính thức được suy cử làm Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1987, kiêm thêm Trưởng Ban Tăng Sự, giao Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội cho Hòa Thượng Thiện Hào.

Năm 1992, kiêm thêm Đệ Nhất Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật đến bây giờ.

---o0o---

Hòa Thượng cả đời tận tụy vì Phật Pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và phiên dịch kinh điển từ Hán Tạng ra Việt Văn làm chánh hạnh của đời mình. Hiện nay, tuy tuổi đã 90, nhưng tinh thần Hòa Thượng vẫn sáng suốt. Thân còn

khỏe mạnh, tâm chuyên niệm Phật, vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Hòa Thượng lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

Hòa Thượng thật là một tấm gương sáng, một bậc chân tu sáng ngời đạo hạnh trong lòng Tăng Ni Phật tử Việt Nam.

* * * * *

Phần I - KHUYẾN TẤN TU HÀNH

1. Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Quý Mùi (2003)

Người xưa thường nói : “Sanh tử sự đại”, nhưng mình đã quen sống trong sanh tử, ai cũng vậy hết, nên thấy không quan trọng. Kỳ thật, lấy mắt đạo mà nhìn vào thì đó là việc lớn của mọi người, của chúng sanh. Đã lăn lóc mãi trong nhiều đời, hiện tại nếu không cố gắng thì những đời sau cũng vẫn lăn quẩn trong vũng lầy sanh tử mà thôi.

Gặp được Phật pháp rất khó! Trên đời này không có pháp nào thoát ly sanh tử, chỉ có giáo pháp của Phật mới ra khỏi sinh tử luân hồi. Vì thế, gặp được rồi thì mình phải cố gắng để vững bền trong chánh pháp. Cho nên, Phật dạy tất cả đều phải tinh tấn nhất tâm. Nhưng chúng ta lại có cái lỗi là luôn luôn phóng dật, giải đãi. Trong Luật, những khi có việc gì thì các vị Trưởng lão, các vị Đại Đức cũng đều khuyên nhắc: “Phải tinh tấn, mạc phóng dật”. Chỉ có hai điều đó thôi!

Phóng dật ở nơi thân khẩu thì dễ biết, còn ở tâm ý thì rất khó biết. Hễ duyên theo lục trần, đều là phóng dật. Do đó, ai nấy cần phải nhất tâm, phải chánh niệm. Chánh niệm đứng đầu là ba niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đừng để nó rời!

Niệm Phật thì niệm hồng danh, niệm tướng hảo, niệm công đức. Niệm Pháp phải thuộc kinh, vì nhớ đến kinh pháp tức là niệm Pháp. Niệm tăng thì ở nơi đức Quán Thế Âm Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hay Phổ Hiền Bồ tát ; cho đến Di Lặc Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát ... đều là Bồ tát Tăng đáng để cho chúng ta nghĩ đến các Ngài và công Hạnh của các Ngài. Nếu tâm mình thường nghĩ tưởng như vậy thì bớt phóng dật, hễ bớt phóng dật tất được tinh tấn. Tinh tấn dần từ một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến nhiều tháng nhiều năm thì lần lần cội Bồ-đề mà mình vun trồng sẽ càng thêm to lớn, vững mạnh.

Người xưa khi vào trong đạo liền tìm cách để được Định, được Huệ. Chúng ta ở thời mạt này lăn lóc ở trong ồn náo, nhiều chuyện, nhiều việc, đông người. Cho nên, tôi thường nhắc nhở sự tu hành của mình giống như là *tu mót* . Mót thời gian để tu, đừng bỏ qua. Gặp việc thì làm việc, rảnh việc thì nhiếp tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng ; Được một phút thì tốt một phút, được một giờ thì tốt một giờ, thế nên đừng bỏ qua việc *tu mót* . Ví như những người ở quê ngày xưa đi mót lúa, tuy chỉ mót lúa nhưng vẫn nuôi thân được, nuôi gia đình được, đủ lúa đủ gạo để ăn. Minh đây cũng vậy, nếu cố gắng mót thì cũng được đầy đủ nơi đạo pháp, nuôi lớn Pháp thân huệ mạng của chính mình. Nếu

huynh đệ thực hành một thời gian rồi nghiệm lại, giờ tu mót lại nhiều hơn thời khóa tu hành. Vì thế nếu bỏ qua thì bỏ phí rất nhiều thời gian. Ai cũng có công việc hết, nhưng rồi cũng có xen kẽ, lúc tâm trí mình được rảnh rang thì gắng giữ ba điều: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Được vậy, phóng dật bớt dần lại, tương ứng với phần tinh tấn. Nếu trọn đời mình sống trong chánh Pháp của Đức Phật thì đường đạo mỗi ngày sẽ mỗi tăng tiến lên.

Vọng tâm, vọng niệm dễ sanh. Những phiền não nghiệp chướng cũng dễ phát khởi. Do vì cảnh duyên bên ngoài trợ giúp cho mấy thứ đó phát triển, tăng trưởng. Mình ở trong thời mật pháp, lấy sức người để tu hành cũng giống như ở nơi giữa dòng sông, chẳng những là nước mà lại có sóng lớn nữa, luôn luôn lúc nào cũng có sóng hết. Trong đó phải bơi phải lội thì việc đó cần cố gắng lắm mới được! Có cố gắng mới thành công. Do đó, cần phải lập nguyện, chí nguyện sẽ giúp mình thêm cố gắng và vững chắc hơn ở nơi đường đạo. Chí nguyện phải thật vững để giúp cho nghị lực, vì có chí nguyện ắt có nghị lực. Như thế mới vững vàng được ở nơi những luồng sóng dập dờn, nếu sơ xuất liền *chìm*, huynh đệ cần phải suy nghĩ cho kỹ!

Ở nơi cõi ngũ trược này, phát chí nguyện phải dững mãnh, nghị lực cũng phải dững mãnh. Ở trong cái khó mà tu tập thì hạnh đức cao vời. Khó thì dễ hư nhưng thành tựu thì được công cao. Do đó, trong kinh Duy Ma Cật nói; “Bồ tát ở nơi cõi đời này, có những công đức mà ở nơi cõi khác không có được”. Chính là ý này vậy.

Huynh đệ biết khó thì phải cố gắng. Lập chí lập nguyện cố gắng vượt lên. Luôn luôn kiểm soát tâm ý của mình lẫn cả về hành động và lời nói. Kiểm soát nếu thấy không đúng thì sửa lại cho đúng. Ai cũng đều có lỗi, nhưng có lỗi mà biết sửa đổi thì thành tốt.

Mong rằng chư huynh đệ đều nhất tâm tinh tấn tu hành!

---o0o---

2. Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Giáp Thân (2004)

Sau ngày Tỵ tứ, được tất cả huynh đệ xuất gia cũng như tại gia về đây thăm, nên tôi có vài lời nhắc nhở

Ngày tháng trôi qua mau lắm, một năm không mấy chốc mà đã tới rồi. Già, bệnh, chết, mãi đeo theo người không chừa ai hết. Cũng mong các huynh đệ, ai nấy đối với Pháp của Phật, không biết nhiều cũng biết ít, noi theo chỗ hiểu biết của mình mà tinh tấn tu hành, luôn luôn nghĩ đến vô thường, sanh tử. Thân này không bền lâu, mình phải cố gắng nương theo thân người này để tu hành, vượt qua biển sanh tử, lên đến bến bờ giải thoát. Nếu chưa được vậy thì cũng làm nhân duyên thù thắng cho những đời sau, đạo tâm kiên cố, căn lành tăng trưởng.

Thời gian qua thật mau, đừng để luống uổng, phải thường nghĩ vô thường. Nhớ lại thuở trước, chỗ mình đang ngồi, đang quỳ ở đây là nơi mây em mây cháu (Bây giờ cũng sáu, bảy mươi tuổi rồi) đứng hái trái sim, thì mấy huynh đệ biết nó thuộc rừng rú. Rồi

mình khai hoang, cất chùa. Thấm thoát cây gỗ của chùa cũng mục. Từ đó biết rằng thời gian trôi mau lắm, năm sáu chục năm thoáng chốc đã qua. Vì vậy nên nhớ lời Phật dạy, phải luôn nghĩ đến vô thường. Thân này còn đây, ngày mai không bảo đảm.

Pháp của Phật rõ ràng, chỉ ở nơi mình có chịu làm hay không chịu làm đó thôi, nên cố gắng tinh tấn, giữ đạo tu hành. Cầu mong mấy huynh đệ căn lành mỗi ngày thêm lớn, công đức mỗi ngày mỗi tăng trưởng.

---o0o---

3. Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Ất Dậu (21/08/2005)

Đã qua một năm, thêm một tuổi. Tuổi đời, tuổi đạo, tất nhiên tuổi thọ của thân này đã giảm đi một năm. Có sanh là có tử. Không người xưa nào bây giờ còn hết. Mình đây lần lần cũng thành người xưa thôi.

Đức Phật dạy phải luôn quán vô thường: “Thân này vô thường, cảnh vật vô thường”. Biết được thân vô thường phải ráng lo tinh tấn tu hành, chớ bỏ ngày tháng trôi qua. Nhờ thấy cảnh vật vô thường, không nên có sự tham luyến, cũng không nên khởi những vọng niệm phiền não. Tất cả đều nhớ quán vô thường, từ chỗ thân vô thường thì cố gắng tinh tấn tu hành, đối với cảnh thì không có tham luyến và trái ý, nhờ vậy tham sân cũng không khởi. Biết được mấy điều đó, si mê cũng lần lần ít đi, thiện căn công đức mỗi ngày mỗi tăng, đó là mình mỗi ngày mỗi bước tiến trên con đường giác ngộ giải thoát.

Gần đây gặp ai, tôi thường khuyên đầu tiên nên *tránh việc ăn thịt chúng sanh*, hễ còn ăn thịt chúng sanh thì không thể giải thoát được. Mấy vị nghĩ lại xem, đối trước Tam Bảo mình nói: “Hằng ngày tôi ăn thịt chúng sanh, xin cho tôi được giải thoát”, không bao giờ có điều đó được! Do đó, phải tránh việc ăn thịt chúng sanh.

Mình không ăn thịt chúng sanh thì tình thương mỗi ngày mỗi rộng ra. Cũng như thế người lâu ngày không ăn thịt mà ăn chay thì thấy con gà, con vịt, con chim... vật gì cũng vậy, nếu không thương cũng không có tâm làm hại. Nếu thấy nó bị đau đớn hay tai nạn gì, liền khởi nghĩ phải nuôi dưỡng cho được mạnh khỏe, rồi thả nó đi.

Còn người ăn mặn không ăn chay, thấy những con vật như vậy thì muốn cắt cổ, nhổ lông để làm thịt ăn. Quý vị nghĩ coi, ngay tâm niệm đó như thế nào? Tâm niệm sau rõ ràng sanh tử luân hồi, còn tâm niệm trước tuy chưa phải thành Hiền thành Thánh, nhưng đã làm cái nền để bước lên con đường Hiền Thánh. Từ tâm niệm có tình thương rồi lần lần thêm rộng lớn, thành tâm từ bi của các bậc Hiền Thánh, thiện căn công đức cũng được sanh ra từ đó. Cho nên Phật nói, đức Phật thành Phật cũng do nơi tâm từ bi, lần lần trưởng thành nên Đại từ Đại bi. Đó là cái gốc. Điều đó rõ ràng như vậy, thế nên, cố gắng phải tránh việc ăn thịt chúng sanh.

Người đã ăn chay rồi thì thấy thương, còn người chưa ăn chay được thì thấy khó, không phải dễ. Bây giờ, có phong trào lan rộng ra trong giới xuất gia, nói chung là bớt việc ăn chay thêm việc ăn mặn. Điều đó từ đâu mà ra? Bởi vì hiện tại đang đi vào thời kỳ

mạt pháp, từ nơi tâm người sanh ra những tâm niệm như vậy, rồi tạo thành nghiệp. Minh thấy rõ ràng, đó là mầm móng của “đao binh tai” mà đức Phật nói trong kinh Diệt Tận. Chỉ là mầm móng chứ chưa đến. Biết được vậy, hiện tại tự mình hãy tránh được thì cố tránh, vươn lên để tâm từ bi lần lần tăng trưởng, thiện căn công đức theo đó mà phát triển. Như thế, tự mình hướng đến con đường đạo, lần lần ra khỏi sanh tử luân hồi, thành bậc Hiền Thánh giải thoát tự tại

Tôi có vài lời nhắc nhở như vậy, để tự mình tỉnh giác và dìu dắt những người khác. Máy huynh đệ có bổn phận lãnh đạo cũng nên nhắc nhở dìu dắt những người dưới mình.

Kể đó, trong pháp môn của Phật, thích pháp nào thì thực hành pháp ấy. Thích niệm Phật thì niệm Phật, thích tụng kinh thì tụng kinh, thích tham thiền thì tham thiền. Nhưng nhớ phải lấy việc “tránh ăn thịt chúng sanh” làm chánh. Tôi thấy mấy năm nay, phong trào ở trong nước cũng như ở nước ngoài, từ xưa ăn chay mạnh lần lần yếu đi, rồi lần lần lan rộng vào giới xuất gia lại ăn thịt nữa. Vì thành phong trào chung, ai cũng vậy thấy không có tội.

Mong quý huynh đệ ai nấy đều tinh tấn tu hành, đạo tâm kiên cố, vững vàng tiến bước trong chánh pháp của Phật.

---o0o---

4. Mừng 01 Tết năm Bính Tuất (2006)

Đầu xuân Bính Tuất, Sư Ông nhắc nhở đại chúng giữ vững đạo tâm, tinh tấn tu hành, để căn lành mỗi ngày một thêm lớn, đạo lực được tăng trưởng thì mới tiến trên đường giải thoát. Phải dày công tu tập, phải nhiều thời gian lắm mới có kết quả được.

Pháp môn của Phật dạy rất nhiều, không pháp nào dễ đạt được kết quả hết. Chỉ có pháp dễ tu hay khó tu mà thôi. Phật dạy thân người khó được, đã được rồi không khéo tu để mất thân này thì muôn đời khó đặng lại. Thời gian qua mau, đừng để luống qua mà uổng phí một đời.

Căn bản của sự tu hành là Giới, Định, Huệ. Từ nơi Giới hạnh được tinh nghiêm mà tâm tĩnh lặng. Tâm được tĩnh lặng thì trần lao phiền não không chi phối được. Do được tĩnh lặng đó mà phát sanh ra Định. Và từ nơi Định mới sanh ra Huệ. Huệ này do có Định mới phát, chớ không phải do tạo tác mà thành. Nếu do tạo tác thì đó chỉ là phân biệt hơn thua, phải quấy, hay dở. Và đó chỉ là ở trong vòng sanh tử mà thôi. Huệ từ nơi Định sanh, Huệ đó mới là giác, là giải thoát. Người đời không biết quý trọng nơi sự giải thoát mà chỉ lo làm cho mạnh thêm cái phân biệt hay dở nên không quan tâm gì đến Giới Định Huệ. Tu pháp môn Trì danh niệm Phật cũng là cách đạt được Định và Huệ.

Năm 1956, một số Tăng Ni và Phật tử thỉnh cầu Sư Ông tóm tắt sự thực hành pháp môn Trì danh niệm Phật, nên Sư Ông có làm ra bài kệ đề là:

Tây phương Cực Lạc thế giới A-di-đà Phật

Tin sâu, nguyện thiết, hạnh chuyên

Như đã nói ở trước, Pháp môn nào của Phật dạy muốn đạt được đều rất là khó, chỉ có dễ tu hay khó tu mà thôi. Pháp Trì danh niệm Phật thì rất dễ tu. Nghĩa là mình đang đi bộ, hay đi trên xe niệm Phật cũng được. Mình đang đứng ngắm cảnh cũng niệm được. Mình đang ngồi làm việc cũng niệm được và khi mệt mỏi quá nằm niệm cũng được. Chỉ trừ lúc nói chuyện là không niệm được mà thôi. Còn các pháp môn khác phải ở nơi vắng lặng hay thiết lập đạo tràng thì mới thực hiện được, đại khái là như thế.

Khi thực hiện pháp Trì danh niệm Phật thì lòng tin phải cho sâu chắc; tâm nguyện phải thiết tha và công hạnh phải chuyên cần. Khi niệm Phật, tâm và tiếng phải hiệp hẳn nhau. Nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải ở trong tâm, đừng để nó xao lãng theo một tiếng gì khác, hễ nó rời ra thì phải kéo nó lại. Muốn được vậy, tiếng niệm phải cho rõ ràng, rành rẽ. Niệm như vậy phải chuyên cần, phải nhiều thời gian, phải đều đặn, phải tinh tấn lắm thì mới đắc lực. Khi niệm đã đắc lực thì tự nhiên trong tâm mình nổi lên tiếng niệm Phật mà mình không cần đề khởi, không cần nghĩ đến nó vẫn tự niệm. Ban đầu thì lúc được lúc mất, được thì ít mà mất thì nhiều. Cố gắng thêm thì được nhiều mất ít, cho đến khi không còn gián đoạn nữa thì gọi là niệm lực tương tục. Và như vậy mới đúng nghĩa “*chấp trì danh hiệu*”. Đó mới là nhơn của Niệm Phật Tam Muội. Được vậy thì sự vắng sanh mới bảo đảm. Bởi được Thánh chúng vây quanh tiếp rước không phải chuyện dễ dàng. Có tương ưng với đại nguyện của đức Phật A-di-đà thì mới có cảm ứng.

Người được gọi là “*Chấp trì danh hiệu*”, nếu hạnh lợi căn thì hoặc một ngày, chậm lắm là bảy ngày sẽ được Niệm Phật Tam Muội thì thấy được đức Phật A-di-đà. Thấy Phật A-di-đà thì thấy được mười phương chư Phật

Pháp môn Trì danh niệm Phật là pháp môn dùng âm thanh làm phương tiện, nên dù niệm lớn hay nhỏ, hoặc niệm thầm cũng đều là âm thanh. Cho nên, chỉ có khi nói chuyện mới không thực hành được. Vì vậy, Bồ tát Giác Minh Diệu Hạnh có dạy:

“Ít nói một câu chuyện

Nhiều niệm một câu Phật...”

Vì thế ta phải bớt đi những duyên lãng xăng chung quanh để dành nhiều thời gian mà niệm Phật. Nếu lãng xăng tạp nhạp nhiều quá mà niệm Phật ít quá thì sẽ không đủ lực để lấn áp vọng tưởng, khó mà nhiếp tâm được.

Sư Ông năm nay đã tròn 90 tuổi rồi, không biết sẽ dừng lại ở số 0 hay 1,2,3 gì đây. Đòi người ngăn ngừa lắm, tất cả nên cố gắng tu hành để ra khỏi vòng sanh tử. Hôm nay nhân ngày đầu xuân, Sư Ông có lời nhắc nhở tứ chúng, ai nấy đều nên nhất tâm tinh tấn!

---o0o---

5. Ngày xuân nói chuyện dịch kinh

Tôi có quan niệm, dịch không phải để cho mình đọc mà để cho mọi người đọc. Vì vậy nên khi dịch, tránh dùng văn tự cầu kỳ, bóng bẩy làm người đọc tụng khó hiểu. Tôi thường chọn bản văn chữ Hán của Ngài Cưu-Ma-La-Thập để dịch vì văn nghĩa rất phổ thông, mạch lạc, dễ hiểu. Riêng những bản văn của Ngài Huyền Trang vì dùng nhiều từ ngữ triết lý sâu xa rất khó đoán định, phải nghiệm lắm mới thông suốt. Cho nên theo tôi, những bản văn của Ngài Huyền Trang dùng để nghiên cứu, học tập hay hơn là để đọc tụng. Tôi nghĩ rằng pháp của Phật sâu xa, mầu nhiệm, vốn đã khó rồi mà chúng ta còn dùng văn tự khó hiểu nữa thì làm sao người đọc lãnh hội được. Điều đáng lưu ý nữa là trong khi ngồi dịch, tâm mình phải theo âm vận, làm thế nào để đọc cho suông sẻ và nghe cho vui tai, nếu âm vận nghe trắc quá sẽ gây cho người đọc cảm giác khó chịu, mệt mỏi.

Trước đây, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt có yêu cầu tôi dịch bộ Phạm Võng cho những người thọ giới Bồ tát Bồ Tát. Sau đó, cũng có vài vị Tôn đức cũng dịch, nhưng có lẽ vì không để ý đến âm vận nên nhiều người đã nhận xét: “ Nếu dùng để đọc tụng rất khó vì câu văn nghe trắc quá”. Cho nên, ở đây tôi phải nói thẳng: “ Phật pháp bất vị nhơn tình”, nếu theo nhơn tình thì sẽ hư việc. Ví như giới luật nhà Phật, nếu chịu theo nhơn tình thì đâu còn giới luật. Tuy rằng Phật pháp vốn không rời nhơn tình, đúng việc cũng phải tùy thuận nhơn tình. Thường thì trước khi dịch kinh, tôi chọn thời điểm thích hợp, tránh các chuyện chung quanh. Thí dụ như ngày nào không có Phật sự, giao tiếp thì phải bắt đầu từ 07giờ 30 sáng tôi lên phòng riêng làm việc đến 12 giờ trưa mới xuống dùng cơm, buổi chiều từ 14 giờ tới 18 giờ. Trước khi viết tâm mình phải thật vắng lặng, phải quán xuyên trước sau, thông suốt ý nghĩa. Tôi khởi sự dịch kinh năm 30 tuổi (1947). Bộ kinh Pháp Hoa được khởi dịch đầu tiên ở chùa Kim Huê (thị trấn Sa Đéc) Đồng Tháp, ngay nơi sanh quán của tôi. Sau đó, tôi dịch tiếp các bộ kinh Tam Bảo, Địa Tạng, Phạm Phổ Hiền, Hoa Nghiêm, Đại Bát Niết Bàn, Đại Bát Nhã, Phạm Võng, Đại Bửu Tích...

Tôi cũng có dịch cuốn Ngô Tánh Luận của Tổ Bồ Đề Đạt Ma, đây là một trong mấy quyển của Ngài được ghi trong Tục Tạng để cho mọi người biết rằng, Tổ cũng để lại kinh sách chớ không phải chỉ có ngồi nhìn vách (cửu niên diện bích). Nên khi dịch quyển này, tôi cảm nhận như được sự trợ lực của oai thần Tam Bảo và sự hộ niệm của chư vị Tổ sư. Nên khi dịch và phân 32 đoạn xong, tôi sửng sốt vì con số 32 đoạn này ngẫu nhiên trùng hợp với con số 32 chương trong quyển kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật mà Chiêu Minh Thái tử đời nhà Lương đã phân định từ ngàn xưa.

Đối với người thọ trì đọc tụng, nên biết rằng, kinh Phật là Pháp Vương, phải hết sức trân trọng. Ngày xưa tiền thân đức Phật muốn tu hành phải xả thân cầu đạo, ngày nay, mọi việc tu hành được thuận lợi hơn nhiều vì có kinh sách chỉ đường mà chúng ta thờ ơ ỷ lại là điều đáng trách. Nếu người nào còn thích đọc tụng kinh chữ Hán hoặc chữ Pali thì phải học để thông hiểu được ý nghĩa lời Phật dạy hầu ứng dụng tu hành. Nếu không học được thì nên đọc tụng bằng những bản kinh đã dịch ra Việt ngữ sẽ có lợi ích hơn.

Chúng ta ngày nay không gặp Phật ra đời, nhưng gặp các vị Bồ tát cũng quý rồi, cộng thêm có kinh sách chỉ đường dẫn lối. Như vậy, muốn no thì phải ăn, muốn giải nghiệp thì phải thật sự tu hành, đừng chấp lỗi người khác, Phải tự soi xét lại mình, coi căn lành có

lớn chưa, nguyện lực có tha thiết chưa, tu hành có chánh định chưa. Tu hành quan trọng là ở chỗ không dính mắc, có như vậy mới mong thoát khỏi trần lao nghiệp chướng đã nhiều đời nhiều kiếp.

Nhân ngày sinh nhật 02 tháng 09 Mậu Thìn (1988), tôi có cảm tác một bài thơ như sau:

“ Tuổi ngoài bảy chục gẫm nhơn sanh

Nhơn sanh vô nghĩa mãi trôi nhanh

Ăn uống, uống ăn, lo đại tiểu

Việc làm, làm việc, nhọc bại thành

Sống theo danh lợi phiền đắc thất

Chết để thịt xương ngán hôi tanh

Ân cần nhẩn gởi chư thân hữu

Đạp phá cửa trần gấp chuyển nhanh “

---o0o---

Phần II - KHAI THỊ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

1. Tại sao lại niệm “ Nam mô A-mi - đà Phật ?”

Sáu chữ hồng danh đây nguyên là Phạn âm (tiếng Thiên Trúc).

Hai chữ đầu (Nam Mô) nguyên âm là Namo, ta quen đọc liền vắn Nam mô, là lời tỏ lòng thành kính, có nghĩa là Quy y (*về nương*) và Quy mạng (*đem thân mạng gởi về*).

Chữ thứ sáu (Phật) nguyên âm là Buddha (Bụt Đa hay Bụt Thô), ta quen đọc gọn là Phật, chỉ cho đáng hoàn toàn giác ngộ (Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Ba chữ giữa (A Mi Đà) là biệt danh của đấng Cực Lạc giáo chủ, dịch nghĩa là Vô Lượng (Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ) Như trong kinh, đức Bổn Sư tự giải thích rằng: “Đức Phật ấy, quang minh vô lượng, soi suốt các cõi nước ở mười phương không bị cách ngại. Đức Phật Ấy và nhơn dân trong nước của Ngài thọ mạng vô lượng vô biên vô số kiếp “.

Trong Quán Kinh nói : “ Nếu người chí tâm xưng danh hiệu của Đức Phật đây, thời trong mỗi niệm diệt được tội sanh tử trong 80 ức kiếp và được vãng sanh ...”

Trong Kinh Chư Phật Hộ Niệm nói: “Nếu người nghe danh hiệu của Đức Phật đây mà chấp trì trong một ngày đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thời được thành tựu nhiều thiện căn phước đức. Đức Phật ấy và Thánh chúng sẽ hiện đến nghênh tiếp...”

Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Nếu người chuyên xưng danh hiệu thời đặng chứng Nhất Hạnh Tam muội và chóng thành Phật...”

Xem như lời của Đức Bồ Sư Thích Ca, đấng chân thật ngữ phán trên đây, thời thấy rằng ba tiếng hồng danh của đức Giáo chủ Cực Lạc có những năng lực bất khả tư nghị. Muốn được kết quả to tát như lời trong kinh, hành nhơn phải chí tâm xưng niệm, và phải xưng niệm đúng âm vận, chớ không nên như người Pháp gọi Chợ Lớn là Sôlông, hay Bà Rịa là Baria.

Ba chữ A- mi- Đà nguyên là Phạn âm. Người Tàu đọc là A- mi- thô, và họ tụng xuôi là Á- mi -Thồ. Danh hiệu ấy tuyên qua xứ Việt ta bằng chữ Tàu, biên sẵn trong các pho kinh sách Tàu. Người Việt ta cứ theo lệ phổ thông, chữ đâu đọc đó nên đọc là A-di-đà. Như đọc Nã Phá Luân để kêu Hoàng đế Napoleon (Na-po-lê-ông), cùng đọc Ba-Lê để kêu kinh đô Paris (Pari).

Với sự phiên âm bằng chữ Tàu, người Tàu đọc giống gần với nguyên âm, mà người Việt ta đọc sai quá xa. Giá như ta gặp hoàng đế Pháp mà gọi ông ta là Nã Phá Luân thời thật là đáng buồn cười. Với A-di-đà để gọi đức Giáo chủ Cực Lạc cũng theo lệ đó.

Nhiều năm về trước, trong thời gian niệm Phật theo thông lệ Nam Mô A Di Đà Phật, khi chuyên niệm nhiều (mỗi ngày từ hai vạn câu trở lên), tôi bị sự chướng là trệ tiếng trong lúc niệm ra tiếng và lơ mờ trong lúc niệm thầm. Giữa lúc đó tiếng “Di” là chủ của sự chướng. Vì thế, tôi mới để ý đến chính âm vận của sáu tiếng hồng danh. Đồng thời lời của Tổ Vân Khê trong số sao nói: “ Hồng danh Nam mô A-mi-đà Phật toàn là tiếng Phạn, chuyên trì không quên, thời cùng với pháp trì chú của Mật tông đồng nhau”, lại thúc đẩy tôi vào sự khảo cứu.

Với vần La Tinh, người Anh ghép Amita, mà tôi được thấy ở bộ Phật Học Đại Tự Điển.

Tôi đem ba chữ A-mi-đà ra hỏi, thời các Sư Tàu cũng như Cư sĩ Tàu đều đọc gần từng tiếng một trước mặt tôi : A-mi-thô.

Hai tiếng đầu “A” và “Mi” đã nhất định, và đồng thời quyết chắc đọc “di” là sai. Tôi còn thắc mắc ở tiếng thứ ba, vì nếu đọc Amita như vần Anh, cùng A-mi-thô như người Tàu thời với tiếng Việt có hai điều bất tiện:

1. Nghe không nghiêm và không êm.
2. Khác với thông lệ từ xưa.

Một học giả Bali và Phạn ngữ giải thích: chữ “đà” của tàu dùng phiên âm Phạn ngữ có hai giọng:

1. *Thô* như danh từ “Bụt Thô” mà người tàu đọc xuôi là “Bù Thồ”.
2. *Đa* cũng như danh từ “Bụt Đa” (Buddha)

Với giọng “đa” để đọc chữ “thô”, nó mở đường cho tôi ghép 3 chữ lại: A-mi-đa và theo cách đọc xuôi đánh dấu huyền: A-mi-đà.

Ghép luôn cả sáu tiếng nam mô A-mi-đà Phật, tôi nhận thấy rằng tránh khỏi cái lỗi quá khác với nguyên Âm, dù vẫn chưa được hoàn toàn, nhưng có thể gọi là nhiều phần đúng và không quá cách biệt với cách đọc phổ thông theo cổ lệ, vì trong sáu tiếng đây chỉ có đổi “đi” thành “mi” mà thôi.

Sau khi tham cứu như trên xong, tôi bắt đầu chuyên chí niệm Nam mô A-mi-đà Phật, và cũng bắt đầu từ đó tôi liền nhận được kết quả.

1. Sáu tiếng hồng danh đây nổi rõ nơi tai cũng như nơi tâm, khác hẳn sự mờ mờ lợt lợt của tiếng “đi” trong thời trước.

2. Khi niệm ra tiếng, từ năm ngàn câu mỗi thời trở lên, môi lưỡi càng lúc càng

nhạy, càng chuyên, càng lạnh. Khác hẳn sự trệ môi cứng lưỡi của những ngày niệm khi xưa.

3. Niệm ra tiếng với A-mi khỏe hơn niệm ra tiếng của A-di khi trước, nhờ

vậy mà mỗi thời niệm được lâu và nhiều.

Người chuyên niệm danh hiệu của Phật, tăng cấp đầu tiên là đến mức *bất niệm tự niệm*, hay *niệm lực tương tục*. Nếu khi niệm mà bị trệ, và tiếng Phật lại lờ mờ không nổi rõ nơi tâm thời khó mong được kết quả trên. Còn nếu trái lại thời mới có hy vọng đến đích.

Biết rằng niệm A-mi-đà được nhiều phần đúng với nguyên âm, nó sẽ đem đến cho mình cái mãnh lực bất tư nghi, diệt vô số kiếp tội thành đại thiện căn phước đức giống như pháp tri chơn ngôn (thần chú) của Mật tông mà Tổ Vân Khê đã phán. Nó sẽ đưa mình đến mức bất niệm tự niệm, vì tiếng niệm không bị trệ lợt và nổi rõ nơi tâm. Nhất là niệm A-mi-đà được khỏe hơn, nhờ đó nên được niệm lâu và nhiều. Niệm Phật được thuần thực là nhờ niệm nhiều câu, nhiều giờ và tiếng niệm nhấn rõ nơi tâm. Và mức bất niệm tự niệm đây là phần bảo đảm vãng sanh Tịnh Độ cho người chuyên niệm. Tôi tin rằng niệm gần với nguyên âm, tức là gần đúng với thật danh của Đức Giáo chủ Cực Lạc, tất dễ được tương ứng và chóng được cảm thông với Phật. Và tôi đã tự cảm thấy có lẽ đúng như thế.

Nhưng trong kỳ kiết thất 49 ngày ở tịnh thất nơi chùa Linh Sơn Cổ Tự, một hôm tôi bỗng có ý nghĩ: “Mình dù thiên trí bạc đức, song cũng là người tai mắt trong Tăng giới, và cũng có đôi phần uy tín đối với gần xa, riêng mình tự tu đã đành không ngại gì, song rồi đây, tất có người tin tưởng nơi mình, mà họ sẽ tự noi theo chỗ làm của mình, nghĩa là họ sẽ niệm Nam mô A-mi-đà Phật. Một người như thế, lần lần sẽ có nhiều người như thế, tất sau này khó khỏi đôi điều thắc mắc:

1. Bàng quang sẽ cho mình lập dị, riêng phái, phá sự đã phổ thông của cổ lệ.
2. Dem sự ngờ vực cho người đã niệm A-di khi những người này chưa hiểu thế

nào là A-di và thế nào là A-mi. Và sự ngờ là điều rất chướng của pháp môn niệm Phật

Tôi tự giải thích: “ Cổ lệ đã sai thời sự sửa đổi là điều cần(tôi tự sửa đổi riêng tôi). Mình không có quan niệm lập phái riêng hay lập dị, thời cũng không ngại gì với chuyên thị phi phê bình của bàng quan”. Và với sự ngờ của những người chưa nhận chơn, sẽ giúp họ tìm tòi khảo cứu, nhờ tìm xét họ sẽ thấu rõ sự sai với đúng, và họ sẽ thấu hoạch được kết quả tốt cũng như mình.

Mặc dù tôi tự giải thích với tôi như thế, nhưng trong thâm tâm vẫn mãi băn khoăn gần suốt ngày.

Chiều hôm ấy, khi đứng dựa cửa sổ ngó mong về phía mặt trời sắp lặn, tôi bỗng thấy chữ A-mi nổi bật giữa khung trời xanh sáng, gần như chữ điện ở trước cửa của những hiệu buôn chiếu sáng trong đêm. Tôi thử ngó qua hướng khác thời không thấy, khi ngó trở lại hướng Tây thời chữ A-mi vẫn nổi y nơi chỗ cũ, khổ chữ lớn lối bốn tất Tây bề cao, và hiện mãi đến trên 30 phút mới ẩn..

Tối hôm ấy, tôi chiêm bao thấy mình đi vào một khu vườn cây cao cảnh đẹp. Giữa vườn, một dãy nhà cất theo kiểu trường học, và nghe rõ trong ấy một người xướng và số đông người hòa: Nam mô A-mi-đà Phật! Tôi tự bảo: “Ừ lạ! Câu Nam mô A-mi-đà Phật tưởng là chỉ của riêng mình cải cách, riêng mình tín hướng và riêng mình chuyên niệm. Bất ngờ ở đây, người ta cũng đồng niệm như vậy rồi”. Tôi đứng dừng trước ngõ trường chăm chú nghe xướng hòa như thế hơn 10 lần mới choàng tỉnh. Bấy giờ mới biết là mình nằm mơ.

Do hai điềm trên đây (chữ A-mi hiện giữa trời và chiêm bao nghe xướng hòa nam mô A-mi-đà Phật), bao nhiêu nỗi thắc mắc và băn khoăn nơi lòng tôi đều tan rã như khói tuyết dưới ánh nắng trưa hè...

Từ hồi nào, dù với hàng đệ tử, tôi chưa từng bảo ai bỏ niệm A-di mà niệm A-mi. Song, do ảnh hưởng ngấm ngấm mà lần lần có một số đồng người xuất gia cũng như hàng tại gia niệm A-mi-đà. Đó phải chăng là do cơ duyên thời tiết nó nên như thế! Và cũng vì cơ ấy mà hôm nay có bài thuyết minh và tự thuật này.

Tôi viết bài này chỉ với mục đích giúp thêm sự nhận chơn về câu Nam mô A-mi-đà Phật cùng lịch sử của nó, cho các bạn đồng tu đã chuyên niệm như thế. Và bài này cũng chỉ truyền bá trong phạm vi các bạn đây thôi.

Tôi xin khuyên nhắc các bạn, đối với những vị đã quen niệm hay đã sẵn tín tâm nơi câu Nam mô A-di-đà Phật, nhất là người ở trong hoàn cảnh thiếu tiện lợi, các vị nên để yên cho các vị ấy niệm theo sự phổ thông cô lệ để tránh sự ngoại chương cho họ và cho họ khỏi sự do dự trên đường hành trì mà họ có thể vướng phải

---o0o---

2. Tọa thiền niệm Phật

Trong bài tựa Phạm Võng Bồ Tát giới có dạy rằng:

“Sắc trẻ không dừng, dường như ngựa chạy

Mạng người vô thường, mau hơn nước dốc

Ngày nay dù còn khó bảo ngày mai”

“Đại chúng! Mỗi người nên nhất tâm cần cầu tinh tấn, chớ biếng nhác trễ lười, phóng túng ngủ nghỉ; ban đêm phải nhiếp tâm niệm Phật tham thiền, chớ để thời gian luống qua vô ích mà sau này phải ăn năn...”

Nhưng phàm muốn làm việc gì cho được lợi ích, chúng ta cần phải “biết làm”. Việc ở đây muốn y chỉ lời dạy nhiếp tâm niệm Phật, tham thiền. Lẽ tất nhiên, chúng ta phải biết làm sao để nhiếp tâm niệm Phật, tham thiền cho đúng cách, đúng phương pháp, tức là biết cách tọa thiền niệm Phật.

Vậy trước khi học về phần thực hành, chúng ta nên hiểu sơ qua về mục đích của phương pháp tọa thiền.

---o0o---

A. Mục đích của phương Pháp tọa thiền.

Tọa thiền là một phương pháp rất thông dụng, chẳng những trong đạo Phật mà ở ngoại đạo cũng vẫn có từ xưa.

Tọa thiền tức là ngồi để tham cứu một vấn đề gì. Thế nên, tọa thiền không phải là một phương pháp chứng quả thành đạo, mà là một trong vô lượng phương tiện giúp cho thân được an, để cho tâm không loạn và được chánh niệm chánh quán. Ngoại đạo chỉ chú trọng nơi thân mà không để ý đến tâm, trong khi thật ra, tâm mới là phần chánh, đáng chú trọng hơn cả.

---o0o---

B. Phương pháp tọa thiền.

Phần này chia làm ba:

1. *Điều thân:*

Thân lúc nào cũng làm duyên trợ cho tâm . Thế nên, nếu thân có những cử động thô thiển, khí lực sôi nổi, và lẽ tất nhiên tâm ý sẽ phù động, do đó khó mà nhập định được. Cho nên, trước khi tọa thiền, cần phải điều hòa thân. Vậy phải điều hòa thân bằng cách nào ?

a. *Phải điều dưỡng sự ăn uống:* Sự ăn uống đối với thân rất hệ trọng, vì bệnh thường phát sinh do nơi sự ăn uống. Có những thực vật hợp với cơ thể người này, nhưng lại không thể hợp với người kia, và trái lại. Dù sao, không nên dùng những thứ có dầu mỡ nhiều, tránh những chất hăng, kích thích thần kinh như cà phê đậm, rượu, trà đậm, thuốc hút v.v... mà chỉ nên dùng những món ăn sơ sài trong sạch.

Trước giờ tọa thiền không nên ăn quá no mà chỉ ăn vừa đủ, vì nếu ăn quá no sẽ làm mệt dạ dày, ngồi không yên ổn. Không ăn chiều, lẽ tất nhiên là thích hợp đặc biệt với việc tọa thiền niệm Phật.

b. *Y phục:* Trước khi tọa thiền, phải tắm rửa cho thân thể được sạch sẽ để tránh khỏi ngứa ngám trong người. Sau đó, trời lạnh thì mặc áo ấm, trời nóng thì dùng y phục mỏng, rộng rãi và sạch sẽ. Đai lưng (lưng quần) lúc nào cũng phải nới rộng ra.

Những điều trên đây giúp cho sự hô hấp dễ dàng và không bị lay chuyển bởi thời tiết.

c. *Giữ thân cho được ngay thẳng và vững vàng:* (Nghĩa là làm thế nào mà khi quên nó, không nghiêng ngã hay lay động). Muốn được như vậy, chỉ có cách duy nhất là ngồi, vì đi, đứng hay nằm không thể đạt được mục đích vừa nói trên .

Nhưng nếu ngồi mà thông hai chân xuống, thì khi quên, thân lại cũng không vững. Hơn nữa lúc ở trong nhà, thất có bàn, ghế, giường v.v... thì không nói làm chi, nhưng khi ra ngoài vườn tược, đồng ruộng hay đến núi rừng để tọa thiền, khó tìm ra chỗ ngồi có thể thông chân xuống được dễ dàng

Thế nên, chỉ có cách rút chân xếp bằng lại, là giúp cho chúng ta ngồi ngay thẳng và vững vàng mà thôi.

d. *Cách ngồi:* Có nhiều cách ngồi mà hành giả cần phải chọn lựa cho thích hợp với mình.

* Toàn già (cũng gọi là kiết già hay Kim Cang tọa): Gác bàn chân trái lên đùi bên mặt, gác bàn chân mặt lên bàn chân trái, gót hai bàn chân đều phải sát vào bụng.

* Bán già, có hai cách:

- *Hàng ma tọa*: gác bàn chân mặt trên đùi bên trái (như Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát).

- *Kiết tường tọa*: gác bàn chân trái lên đùi bên mặt (như Ngài Phổ Hiền Bồ Tát).

Trong ba cách ngồi, khi ngồi phải tập cho đầu gối sát xuống chiếu như nhau, hai hông cùng chịu đều như nhau thì mạch máu không bị cản, chân không bị tê, cũng không nên dùng nệm quá dày. Một điều nên để ý, là thường lúc ban sơ, khi vừa ngồi kiết già hay nghe một chân nặng, một chân nhẹ. Để sửa chữa khuyết điểm đó, chỉ có một cách là dùng hai tay chống xuống chỗ ngồi để nâng toàn thể thân lên và hạ bên chân hay hông nhẹ xuống trước, bên nặng xuống sau, đổi ba lần thì hai chân hoặc hai hông sẽ đều, không còn cảm tưởng nặng nhẹ nữa.

Tay: Hai bàn tay để ngửa, bàn tay mặt đặt trên bàn tay trái, vừa sát bụng và để nhẹ trên hai bàn chân, hai đầu ngón tay cái đầu lại (Tam Muội ấn)

Phương pháp để bàn tay như vậy, theo cổ đức nói, làm cho điện lực trong thân lưu thông đều đặn, không biến thoát ra ngoài, giúp cho Tâm dễ an ổn.

Lưng: Tay chân đều đầu vào đó rồi, phải lay chuyển thân thể độ ba, bốn lần cho được ung dung và phải giữ xương sống ngay thẳng, chẳng khác nào một cây cột đối với cái nhà. Nếu cột xiêu thì nhà đổ vậy.

Đầu, cổ: Đầu và cổ cũng phải giữ cho ngay, nhưng không được ngược thẳng quá

Mắt: Mắt hơi nhắm lại, để chỉ còn thấy tướng trắng hay sáng bên ngoài mà thôi, đừng mở hẳn sẽ tán loạn; mà cũng đừng nhắm hẳn sẽ bị hôn trầm.

Miệng: Miệng phải ngậm lại, chót lưỡi để trên chân răng hàm trên, răng phải để cho thông thả, đừng cắn cứng lại, nhờ đó hơi thở sẽ nhẹ nhàng.

2. Điều tức:

Khi thân đã nghiêm chỉnh rồi, bấy giờ hành giả mới bắt đầu thở ra nhẹ nhàng

nhưng cho dài, tâm nghĩ tất cả ô trược trong thân đều tựa theo không khí mà ra ngoài hết. Đến khi hít vô cũng phải nhẹ nhàng và cho dài, nghĩ bao nhiêu điều thanh tịnh bên ngoài đều vào trong hết.

Làm như vậy được hai ba lần hay đến năm bảy lần nếu cần, cho trong thân được khoan khoái. Sau đó phải giữ hơi thở nhẹ nhàng thông thả, sưng êm, dài ngắn cho quân bình.

Nên để ý, khi điều hòa hơi thở hành giả thường gặp hai lỗi sau:

a. Phong tướng: tức là hơi thở ra hít vào, nghe có tiếng gió, do vì hơi thở quá mạnh.

b. Suyễn tướng: tức là tuy thở ra vào không nghe tiếng, nhưng lại gấp rút hoặc rít sấp không thông.

Nếu khi ngồi tĩnh tọa mà thấy hai tướng trên đây, đó là triệu chứng tâm không được an định.

Nếu khéo điều nhiếp, dùng sổ tức thở ra hít vào thông thả, ít lâu sẽ thuần thục, tự nhiên hơi thở sẽ điều hòa, huyết mạch được lưu thông, trong người sẽ được ung dung khoan khoái.

Thế nên, điều hòa hơi thở là một công phu hệ trọng đối với phép tĩnh tọa.

3. Điều tâm:

Trước khi tọa thiền, hành giả có phát tâm trước, hoặc sổ tức, hoặc quán bất tịnh,

hoặc niệm Phật v.v...

Nếu đã phát tâm niệm Phật, thì hành giả phải nghĩ Ta- bà ngũ trước, nhớ nhớ, là nguồn gốc của muôn ngàn thống khổ, nơi thân và hiện cảnh, phải làm thế nào thoát ly cho được, tức là phải yếm ly (chán nản) sanh tử nơi Ta bà mà cầu sanh về Cực Lạc.

Hành giả nhớ ngay đến cảnh Cực Lạc thuần vui không khổ, có đủ thắng duyên, thắng cảnh trợ lực cho hành giả mau thành Phật quả, quảng độ chúng sanh, đến đức Phật A-Mi- Đà tướng hảo quang minh, lúc nào cũng đuổi lòng từ tiếp dẫn chúng sanh về Cực Lạc quốc.

Lúc bấy giờ, hành giả khởi niệm câu dài “ Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại từ Đại bi tiếp dẫn Đạo sư A- Mi- Đà Phật”, rồi lần lần thu ngắn lại còn bốn chữ “ A Mi- Đà Phật” lúc đầu niệm lớn, sau niệm thầm để nhiếp tâm cho an trụ vào đó. Khi niệm ra tiếng hoặc thầm, đều cần thiết là phải niệm cho tiếng nổi rõ trong tâm chậm rãi, tâm ý nghe rõ, nhận rõ từng tiếng, từng chữ, tức là “ Quán trí hiện tiền”. Nếu không tâm sẽ tạp niệm (*tán loạn*), hay ngủ gục (*hôn trầm*). Nếu tán loạn, không rõ, lơ là hay khi hôn trầm muốn đến, hành giả phải cử tâm ngay bằng cách chú ý đến câu niệm Phật.

Có khi hành giả cố gắng kiềm tâm, nhưng tâm vẫn chạy và nếu tâm chạy mãi, thì có cách phải niệm Phật và nghĩ ở hai đầu ngón tay cái, đầu hai ngón chân cái hoặc nghĩ ở nơi cái rún mà niệm.

Làm như vậy, thân kinh hệ sẽ hạ xuống, tức là cái tâm sẽ hạ xuống mà bớt tán loạn.

Còn nếu bị hôn trầm thì phải nghĩ ở đỉnh đầu hay ở trán mà niệm thì sẽ hết, vì ý chí phấn khởi.

Hoặc hành giả có thể niệm theo phương pháp “Thập niệm ký số”, là khi niệm Phật, phải ghi nhớ rành rẽ từ một đến mười câu, hết mười câu liền trở lại một, cứ như thế xoay vần mãi. Nhưng phải niệm trong vòng mười câu mà thôi, không được hai mươi, ba mươi câu, lại không nên lần chuỗi vì dùng tâm ghi nhớ. Có thể phân làm hai đoạn từ một đến năm, từ sáu đến mười. Hoặc còn thấy kém sức lại chia ra làm ba hơi, từ một đến ba, bốn đến sáu, bảy đến mười.

Cần đề ý: *niệm nhớ và nghe phải rõ ràng*, vọng niệm mới không xen vào được. Dùng phép này lâu sẽ được nhất tâm.

Điều tâm là pháp môn tu chủ chánh. Nếu có sự biến chuyển nơi thân, không nên để ý đến, mà phải chuyên gìn chánh niệm.

---o0o---

C. Phương Pháp giải tọa (xả thiền)

Khi xả thiền, hành giả làm ngược lại tất cả. nghĩa là trước hết phải xả nơi tâm, kế xả nơi tức và sau cùng là xả thân.

1. *Xả tâm*: Hành giả phải nhớ lại, coi hiện giờ mình ngồi ở chỗ nào, nãy giờ mình làm gì, nhớ coi mình có tán loạn hay hôn trầm không, và dù có hay không, cũng vẫn hồi hướng công đức về Tây Phương để trang nghiêm Tịnh độ.

2. *Xả tức*: Sau khi xả tâm xong, hành giả mở miệng thở ra vài hơi thật dài để cho khí nóng trong người giảm bớt, và để hồi phục lại trạng thái bình thường như trước khi tĩnh tọa.

3. *Xả thân*: Tâm, tức đều xả xong, lúc bấy giờ hành giả sẽ giao động nơi lưng và cổ. Khi mạch lạc chạy đều, từ từ duỗi hai tay ra, lấy hai bàn tay xoa nhẹ với nhau, rồi xoa lên mắt. Sau đó uốn lưỡi một vài lần và nuốt chút nước miếng.

Tay và mắt xả xong, đến lượt hai chân. Trước hết phải lấy tay xoa hai bắp vế, rồi tháo lần lần hai chân ra, thoa hai bắp chuối và hai bàn chân. Khi nghe hai chân nóng hết rồi, hành giả chuyển động nhẹ nhàng toàn thân rồi đứng dậy, đi tới đi lui.

D. Những điều cần thiết để tọa thiền có kết quả.

Hôn trầm, ngủ nghỉ là một chướng ngại trong việc tu thiền, thế nên nơi thân phải bớt ngủ nghỉ.

Phật dạy đầu hôm cuối đêm thì tham thiền, nửa đêm thì tụng kinh để tự tiêu tức, nhưng nếu mình không kham nổi thì nên bớt sự ngủ nghỉ. Ban đêm chỉ nghỉ ba canh, từ

11 giờ đến 04 giờ sáng thôi, đó là lời dặn dò của cổ đức vậy. Còn nơi tâm thì phải có sự điều nhiếp theo hai cách dưới đây:

1. Không niệm tham dục.
2. Không niệm sân hận.

Nếu thực hành hai cách này mà không đắc lợi trên đường chánh định, hành giả phải kiểm điểm lại nơi tâm coi sanh tội lỗi chi không. Hằng ngày phải nói lời dịu dàng, hòa nhã cho tâm lắng xuống. Đối với người và vật, giữ cho tâm mát mẻ và luôn luôn nhẹ nhàng.

Ngoài giờ tĩnh tọa, phải giữ câu niệm Phật không rời tâm. Tâm tương ưng với chánh định thì phát ra khinh an, trong thân sẽ thấy khoan khoái. Thân tâm hiệp nhất, thân cảnh không hai.

Lúc bấy giờ hành giả ở trong định vắng lặng sẽ thấy thân tướng Phật, nghe Phật thuyết pháp và những cảnh giới nhiệm màu không sao kể xiết... Đó là tướng niệm Phật thiện căn phát hiện do công phu tọa thiền niệm Phật mà thành công vậy.

---o0o---

3. Yếu chỉ pháp trì danh niệm Phật

(Bài thuyết pháp đầu tiên tại chùa Vạn Linh, (núi Cẩm) ngày 23/11/2003 Quý Mùi)

Nhân dịp đạo tràng Vạn Linh tổ chức khóa niệm Phật trong bảy ngày, kể từ ngày Khánh Đản Đức Phật A Di Đà 17/11 đến 24/11 Quý Mùi. Do nhân duyên này, tôi đến đây cùng tất cả quý vị nói một vài điều liên quan đến Pháp môn niệm Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời cách đây hơn 2.500 năm, chỉ vì một mục đích duy nhất là muốn cho tất cả mọi người, tất cả chúng sanh, cũng như muốn cho tất cả chúng ta hiện nay thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, được giải thoát, an vui, tự tại. Vì sanh tử luân hồi là tất cả những sự khổ. Nghĩa là từ phàm phu mê muội này mà tu hành lên thành các bậc Thánh giác ngộ, giải thoát tự tại.

Đức Phật Thích Ca ra đời, Ngài dạy rất nhiều pháp môn tu hành để giải thoát, trong những pháp môn đó có *pháp môn Tịnh độ*. Tu tập theo pháp môn này, sau khi bỏ báo thân ở nơi cõi trước ược sanh về cõi thanh tịnh, trang nghiêm gọi là Tịnh độ. Còn cõi Ta bà này Đức Phật gọi là uế độ, cõi của dơ xấu, của khổ não.

Trong những pháp môn sanh về cõi trang nghiêm Tịnh độ đó, có *pháp môn niệm Phật*, gọi là tướng Phật. Nghĩa là mình nhớ, lấy trí tưởng tượng của mình để làm sao cho hình tượng Phật hiện ra. Cũng như mình thích hình tượng nào đó (như hình tượng Phật A Di Đà là tu về pháp môn Tịnh độ), rồi nhớ nơi hình tượng đó để niệm làm sao trong trí tưởng của mình hiện ra hình tượng đúng như mình nhìn thấy, gọi là pháp môn *Tướng Phật Niệm Phật*.

Lại có pháp môn gọi là *Quán Phật niệm Phật*. Pháp môn này nghĩa là không thấy nơi hình tượng Phật, mà do trong kinh đức Phật Thích Ca Mâu Ni tả hình tướng tốt đẹp trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, rồi mình nhớ lại những lời Đức Phật Thích Ca đã tả, đã dạy trong kinh để quán tưởng làm sao có hình tượng đó hiện ra trong trí của mình. Đó là cách thứ hai về niệm Phật.

Thứ ba là đức Phật A Di Đà có danh hiệu là A Di Đà. Chúng ta nghe nói đến danh hiệu Phật A Di Đà, chúng ta nhớ và niệm cho thuần, đó gọi là phương pháp *Trì danh niệm Phật*.

Mấy hôm nay huynh đệ đã thực hành niệm Phật. Mỗi thời đều niệm “Nam Mô A-Di-Đà Phật”, đó là tu theo pháp môn Trì danh niệm Phật. Về kinh, theo lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đến pháp môn này, thì quan trọng nhất là Phật thuyết A-Di-Đà Kinh, thường gọi tắt là kinh A Di Đà mà chúng ta đang tụng, trong đó, đức Phật dạy về pháp môn Trì danh niệm Phật.

Đầu tiên, đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi ngài Xá Lợi Phất để chỉ dạy rằng: “ Cách đây qua phương Tây, trải qua mười muôn ức cõi Phật có cõi nước tên là Cực Lạc, trong cõi Cực Lạc đó đức Phật A Di Đà, hiện tại Ngài đang thuyết pháp”. Trước hết, đức Phật Thích Ca giải thích tại sao cõi nước đó gọi là Cực lạc? có tên Cực Lạc? Đức Phật giải thích: “ Cõi Cực Lạc không có tất cả các sự khổ, mà người ở đó thường hưởng những sự vui, do đó nên gọi là Cực Lạc, nghĩa là cõi vui tốt bậc”. Tại sao gọi là cõi vui tốt bậc ? Đức Phật diễn tả: “ Nơi cảnh của cõi Cực Lạc gồm cả những hàng cây báu, thành núi báu, lan can, bao lơn báu. tất cả đều dùng kim ngân, lưu ly, pha lê... làm thành. Cho nên, cõi đó gọi là Cực Lạc”. Ở cõi Cực Lạc, nhiều nơi có những ao báu. Tại sao gọi là ao báu? Vì những ao đó chẳng những rộng lớn mà nó làm thuần bằng kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não.v... để xây thành. Dưới đáy ao có cát vàng huỳnh kim, nước ao đầy đủ tám công đức. Do đó nên gọi là Cực Lạc.

Cõi Cực Lạc ngày và đêm trên trời (tức trên hư không) rơi xuống những bông hoa báu. Chúng ta ở đây, trên trời rơi nước xuống gọi là mưa. Ở Cực Lạc thế giới, trên trời rơi xuống những hoa báu. Những hoa đó, ai thấy đều vui, đều thích nên gọi là Mạn Đà La hoa, và vì trên trời rơi xuống nên gọi là Thiên Mạn Đà La hoa.

Sinh hoạt của người ở Cực Lạc thế giới nhiều việc chứ không phải một việc. Cõi đó đất bằng hoàng kim, nó tương tự như vàng 9999 ở đây. Hai việc trên, Phật Thích ca Mâu Ni chỉ nói tóm tắt. Nhưng ở các kinh khác, nói Cực Lạc thế giới có chỗ cõi đất bằng lưu ly, không phải chỉ một thứ hoàng kim. Đất của chúng ta ở đây bằng đất cát, sinh bùn dơ bẩn; đất ở cõi nước Cực Lạc như vậy sạch sẽ. Từ sáng sớm, họ lựa những bông hoa rơi xuống, hoa nào đẹp nhất đựng trong vạt áo đi cúng dường mười phương Chư Phật (trong kinh nói cúng dường mười muôn ức Chư Phật không phải ít). Đến giờ ăn, các vị đó trở về đúng bữa không có trễ, ăn xong rồi đi kinh hành v.v... Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta việc sinh hoạt của người nơi cõi Cực Lạc tóm tắt như vậy.

Nhưng nếu mình suy nghĩ, thì thấy những vị nơi cõi Cực Lạc đối với mình thì họ đều thành bậc Thánh hết. Vì sao nói thành bậc Thánh? Bởi vì thân thông tự tại, họ đi cúng

dường Chư Phật mười phương rồi về rồi về đến cõi mình mà không trễ bữa ăn. Các huynh đệ nên suy nghĩ, mình ở đây tốc độ mau nhất là gì ? chỉ có một là ánh sáng, hai là điện. Đó là tốc độ mau nhất mà các nhà khoa học nói. Có nhiều hành tinh, ánh sáng từ hành tinh đó đến trái đất phải trải qua nhiều năm ánh sáng mới đến được (những hành tinh mà các nhà khoa học nói vẫn còn nằm trong phạm vi cõi Ta bà này thôi).

Nhưng ở Cực Lạc, đem hoa cúng dường mười phương chư Phật (quốc Độ khác nhau) mà đi và trở về nước không trễ bữa ăn, thì biết thần thông tự tại đến bậc nào (nó có thể là ngàn triệu lần mau hơn tốc độ ánh sáng; hàng triệu, hàng tỷ lần mau hơn tốc độ của điện). Vậy Phải đến bậc Thánh mới có thần thông tự tại như vậy, thân phàm phu làm sao có được thần thông tự tại đó được. Cho nên, ở cõi Cực Lạc toàn những bậc Thánh. Vì thế ai cũng mong về cõi đó.

Ở đây, là người phàm phu, ai rồi cũng bỏ thân này. Như tôi già rồi cũng phải chết, quý Phật tử cũng vậy, cũng già cũng chết. Có nhiều người không đợi đến già mà chết trẻ, chết rồi lại luân hồi có thân kế. Từ nơi phàm phu sanh về Cực Lạc tất nhiên thành bậc Thánh. Điều đó là ưu điểm bậc nhất trong các phương pháp Phật dạy từ phàm phu lên bậc Thánh.

Như chúng ta chuyên niệm Phật thế này, một hoặc hai, hoặc năm năm, mười năm thì từ phàm phu có thể lên bậc Thánh chỉ trong một thời gian ngắn. Tất nhiên, đó là ưu điểm nhất của pháp môn Tịnh Độ. Nếu như tu những pháp môn khác phải trải qua nhiều năm, nhiều kiếp, nhiều thân mới thoát được. Ở đây, phàm phu mà đến được Tu Đà Hoàn đã không phải dễ, dù Tu Đà Hoàn chỉ là bậc Thánh nhỏ, không phải là bậc Thánh lớn.

Sau khi giải thích các ưu điểm của thế giới Cực lạc như vậy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu đức Phật A Di Đà hiện tại đang ở cõi Cực Lạc. Thọ mạng đức Phật A Di Đà vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Nhân dân ở đó cũng đồng thọ mạng như vậy, cũng vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Cho nên, mình còn gọi Phật A Di Đà là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ là sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Phật Thích Ca giải thích danh hiệu Phật A Di Đà còn một nghĩa nữa là Vô Lượng Quang, vì thân đức Phật A Di Đà luôn luôn tỏa sáng chiếu khắp cả mười phương không chướng ngại, do đó gọi là Vô Lượng Quang.

Danh từ A Di Đà có hai nghĩa : *Vô Lượng Quang* và *Vô Lượng Thọ*.

Vô Lượng Quang có nghĩa là ánh sáng của Phật A Di Đà tỏa khắp mười phương không phải như ánh sáng đức Phật Thích Ca. Trong kinh nói ánh sáng thân Phật Thích Ca Mâu Ni (ra đời ở nơi thế giới của mình đây) chỉ có mấy tầm thôi (ánh sáng thường chứ không phải ánh sáng thần thông). Còn ánh sáng của Phật A Di Đà chiếu khắp mười phương. Do đó gọi là Vô Lượng Quang.

Về thọ mạng thì tuổi thọ vô lượng, vô biên A tăng kỳ kiếp, cho nên có nghĩa là Vô Lượng Thọ.

Đức Phật Thích Ca lại sợ mình thắc mắc về thọ mạng của Phật A Di Đà là vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Đức Phật A Di Đà khi thành Phật ở cõi Cực Lạc, tính đến thời điểm đức Phật Thích ca nói pháp được bao lâu rồi ? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tự nói Đức Phật A Di Đà từ khi thành Phật ở cõi Cực Lạc, tính đến thời điểm đức Phật Thích ca nói pháp giới thiệu về Ngài thì đã mười kiếp. Kiếp số dài lớn lắm. Một kiếp như vậy có bao nhiêu triệu năm chứ không phải ít. Vì vậy, từ đức Phật A Di Đà thành Phật, đến khi đức Phật Thích Ca giới thiệu thời gian là mười kiếp. Mười kiếp đó đối với thọ mạng, đời sống vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp thì chưa thấm vào đâu hết. Cho nên, bây giờ đức Phật A Di Đà vẫn ở Cực Lạc thế giới, đến vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, đức Phật A Di Đà vẫn còn ở đó thuyết pháp.

Nhân dân ở cõi Cực Lạc thọ mạng cũng dài lâu như vậy. Do đó, đức Phật Thích ca Mâu Ni mới tiếp tục chỉ dạy: “ Người nào sanh ở cõi Cực Lạc thế giới đều là bậc bất thối chuyển” Trong kinh gọi là A Bộ Bất Trí, *nghĩa là ai mà sanh về cõi đó đều là bậc A Bộ Bất Trí* (Bậc Bất thối chuyển). Sinh về đó rồi thì từ từ chứng thánh quả, đầy đủ trí huệ, tu lần lên bậc Thánh, Đăng giác, Diệu giác rồi thành Phật chứ không có ai lui sụt.

Đã sanh về cõi Cực Lạc rồi thì chắc chắn sẽ thành Phật. Cho nên, người được sanh về cõi đó không có tất cả khổ, chỉ hưởng điều vui (do đó gọi là cõi Cực Lạc), rồi một mực tiến tu lên để thành Phật, không có vấn đề ngưng lại hay thối lui. Do đó, ở cõi Cực Lạc đều là những bậc Bồ xứ Bồ tát, là những bậc sắp thành Phật, số đông không thể tính đếm, có thể dùng lời nói là vô lượng vô biên. Nhiều như vậy nên Phật Thích ca nói người nào nghe đến đây, cũng như mình đang nghe được đó thì nên phát nguyện: “*Nguyện sanh về cõi Cực Lạc*”.

Tại sao Đức Phật dạy phát nguyện như vậy ? Vì sanh về đó sẽ sống chung với những bậc Bồ xứ Bồ tát. Các bậc đó Phật gọi là chư Thượng thiện nhơn. Mình ở đây, Ta bà này thấy sống lao xao. Già, trẻ, bé, lớn gồm đủ thứ chuyện, sống chung như vậy tiến tu trên đường đạo rất khó. Còn sống chung với các bậc Hiền, bậc Thánh thì lại dễ, do đó mới mau thành Phật. Ở cõi Cực Lạc không có sự già bệnh chết. Thọ sanh sang Cực Lạc thế giới tu tập để thoát khỏi sanh tử luân hồi và được bất thối chuyển (tức không lui thối) tiến lên thành bậc Thánh, thành Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, nếu người nào nghe được kinh này thì nên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc để được cùng với các bậc Thánh, Thượng Thiện nhơn sống chung một chỗ.

Đó là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng ta nên phát nguyện sanh về Cực Lạc thế giới.

Lần thứ nhất trong kinh A Di Đà, đức Phật Thích Ca nói được sanh về cõi Cực Lạc không phải tầm thường. Người thiện căn, phước đức ít, không sanh về được. Như vậy nghĩa là sao ? Phải thiện căn phước đức nhiều mới được thọ sanh. Muốn được thiện căn phước đức nhiều thì phải làm gì?

Đức Phật Thích Ca nói: “ Ta nghe nói đến danh hiệu Phật A Di Đà rồi chuyên chấp trì”, cũng như quý vị mấy ngày qua niệm Phật đó, như vậy tất nhiên là được thiện căn

phước đức nhiều. Nhưng niệm Phật mà được gọi là *Chấp trì danh hiệu* cũng không phải thường, không phải chuyện dễ làm được!

Chấp trì nghĩa là sao ? Nghĩa là nắm giữ hay cầm giữ. Thí dụ như hiện tại, quý vị nhìn lên đây thấy tôi đang nắm cái gì ? Tôi đang nắm cầm cái mõ, và cái mõ dụ cho danh hiệu Phật A Di Đà. Bây giờ tay tôi chỉ còn nắm cầm cái mõ, ngoài cái mõ không còn nắm cầm cái gì hết. Nếu cầm vạt áo mà quý vị nói tôi đang cầm nắm cái mõ thì đâu có được phải không ? Cái mõ này tỷ dụ cho danh hiệu Phật A Di Đà. Cũng tương tự như vậy! Nếu trong tâm mình đang niệm Phật mà còn niệm nào khác thì không thể nói là niệm Phật (như ở đây tôi đang cầm cái mõ chung với cái vạt áo thì không thể gọi là chỉ cầm cái mõ được). Cho nên, tiếng *Chấp trì* thực hành cũng khó lắm chứ không phải dễ, nghĩa là một thứ thôi. *Chấp trì* danh hiệu Phật chỉ là một thứ danh hiệu Phật thôi. Nếu trong tâm mình có một cái tưởng hoặc một niệm, một suy nghĩ gì khác, đâu thể gọi là chấp trì. Như tay tôi như vậy thì gọi là chấp trì cái mõ, mà bây giờ thêm vạt áo nữa thì không thể nói chấp trì cái mõ được, có phải vậy không ?

Khó chớ không phải dễ đâu! Việc làm từ phàm đến Thánh đâu phải chuyện thường, phải tinh tấn cố gắng nhiếp tâm. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy, nếu mình nhiếp trì danh hiệu Phật được từ một ngày, hai ngày đến sáu ngày, bảy ngày thì được nhất tâm bất loạn, gọi là niệm Phật Tam Muội, là *Chánh định*. Người như vậy, lúc sắp lâm chung sẽ được Phật A Di Đà cùng với Thánh chúng hiện đến trước người đó. Người đó thấy Phật cùng với Thánh chúng thì *Chánh niệm* hiện tiền, được *vãng sanh về Cực Lạc thế giới* (nghĩa là bỏ thân này liền sanh về Cực Lạc).

Việc làm từ phàm đến Thánh, từ khổ đến vui mà tóm tắt mau lẹ như vậy nên đức Phật Thích Ca nói đó là một điều lợi lớn. Cho nên, đức Phật khuyên tất cả mọi người đều nên phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc. Đó là lời khuyên phát nguyện lần thứ hai trong kinh A Di Đà.

Lần thứ nhất là khuyên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc để sống cùng với những bậc Thượng thiện nhơn, Nhất sanh bồ xứ. Kế đến là được Phật A Di Đà và các Thánh chúng đến hiện thân trước mặt, người đó được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Vì vậy mọi người nên nghe theo đây mà phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc. Đó là lời khuyên phát nguyện lần thứ hai của đức Phật Thích Ca.

Huynh đệ nên nhớ bốn chữ *Chấp trì danh hiệu* trong kinh, cũng như tôi thí dụ nắm giữ cái mõ này, để mà kiềm giữ cái tâm mình. Khi mình xưng danh hiệu “ Nam Mô A Di Đà Phật”, làm sao trong tâm mình chỉ có “ Nam Mô A Di Đà Phật “ mà thôi. Đừng có cái gì khác, đừng cho một niệm gì xen vào hết. Ví như khi tôi nắm giữ cái mõ này thì chỉ nắm giữ cái mõ này thôi, chớ không có gì khác xen vào, chỉ có một thứ thôi. Mình tập như vậy lâu ngày thì tâm nó dần quen. Ban đầu khó lắm chứ không phải dễ, đủ thứ chuyện nó xen vào trong tâm mình. Không phải một chuyện, hai chuyện, ba chuyện đâu; cũng không phải một chục, hai chục, ba chục mà là hàng trăm chuyện, không phải ít đâu! Quý Phật tử cứ nghiệm ở nơi tâm mình thì biết, nhưng mà tại sao vậy ? vì từ lâu mình luôn sống trong tạp niệm, nó quen quá rồi. Khi đã huân tập thành thói quen mà bắt nó chỉ nghĩ một thứ thôi, việc đó không phải dễ dàng.

Dù rằng không phải dễ nhưng cứ cố gắng làm, lần hồi nó cũng quen, lâu ngày tạp niệm tự bớt, mình sẽ nhất tâm lại. Nhất tâm là sao? Nghĩa là chỉ chú tâm ở nơi câu niệm Phật “ Nam Mô A Di Đà Phật”, lâu dần tâm nó cũng quen đi, lần bớt xao động, lần sẽ dừng lại.

Cũng có nhiều người đến than thở với tôi là muốn giữ cái tâm lại, nhiếp tâm để chấp trì danh Phật mà làm hoài nó vẫn cứ chạy. Vì cái chạy đó nó quen lâu năm rồi. Không phải lâu năm trong đời này, mà nó đã lâu năm trong nhiều đời trước nữa. Cho nên, mình phải cột, phải nắm lại, rồi lần lần “ cột nắm” cũng dần quen. Khi đứng lại thì nó cũng quen đứng luôn. Vậy nên phải thật chịu khó.

Thành thật nói với đại chúng, tôi biết niệm Phật hồi năm 14 tuổi, đến 21 tuổi mới về chùa. Thì cũng vậy, cũng chuyên về niệm Phật, tu pháp môn Tịnh Độ, đến bây giờ kể ra là bảy mươi mấy năm cũng trì danh hiệu “ Nam Mô A Di Đà Phật”, mà bây giờ niệm lực cũng còn yếu lắm, chứ không được mạnh đâu. Thật là khó! Cảnh duyên nơi này đủ chuyện quyến rũ, đủ chuyện lôi kéo, đủ chuyện nó xen vào. Sự lôi kéo với xen vào đó do mình đã huân tập nhiều đời, nhiều năm quen chạy theo rồi. Nó chạy theo thuần quá, nó quen quá rồi, bắt nó dừng lại tất nhiên phải dày công lắm, nhưng mà mình phải cố làm. Không làm thì đời này mình trắng tay, không được gì hết trong Phật Pháp. Vì thế, Phật dạy lúc nào cũng phải tinh tấn tu hành.

Tóm lại, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy mình những cái nghe biết ở cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, sự sinh hoạt nơi cõi Cực Lạc, khuyên bảo mình phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc để chuyển từ phàm phu lên bậc Thánh, từ nơi cõi luân hồi này lên bậc Bất thối chuyển để thành Phật. Đức Phật Thích Ca dạy như vậy đó. Ngài nói chẳng phải riêng ở nơi Ngài mà mười phương Chư Phật đều tán thán việc này (trong kinh mình tụng chỉ nói tắt nơi sáu phương, kỳ thật là mười phương Chư Phật cũng đều tán thán việc sanh về thế giới Cực Lạc).

Vả lại, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cuối cùng cũng nói pháp môn Tịnh độ. Pháp môn niệm Phật để sanh về cõi Cực Lạc mà Phật nói đây khó tin lắm, chứ không phải dễ (rất khó tin). Nên trong kinh A Di Đà, vị nào có tụng thi biết, Chư Phật mười phương đều khen ngợi đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở nơi cõi này mà giảng dạy pháp Môn niệm Phật để sanh về cõi Cực Lạc là rất khó, khó hơn ở cõi ngũ trược mà thành Phật. Nơi cõi ngũ trược mà thành Phật đã khó, song nói pháp môn này lại càng khó hơn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau đó nhấn mạnh lại rằng: “Đúng như vậy! Đức Phật ở thế gian này nói pháp môn niệm Phật, cầu sanh về cõi Cực Lạc là rất khó”. Bây giờ, quý Phật tử ở đây đều tin, đều phát nguyện, sớm tối tu hành niệm Phật cầu sanh về cõi đó, như vậy tất nhiên là việc khó. Chư Phật mười phương và Đức Phật Thích Ca nói khó mà quý vị đã làm được rồi. Việc khó tin mà quý vị quyết tâm làm thì cũng làm được. Như vậy việc này hy hữu ít có lắm, nên phải cố gắng tinh tấn tu hành, đừng nản (đừng nghĩ mình niệm Phật sao nó cứ loạn, niệm Phật sao không nhất tâm, niệm Phật sao kiềm giữ không được...)

Chúng ta phải nghĩ thế này: “ *Chỉ vì thói quen mà thôi, mình chịu khó luyện tập kiên giữ thì cũng có thói quen luyện tập kiên giữ. Thói quen này thuần thì nó có sức mạnh. Có sức mạnh rồi thì không có gì khó đâu, cứ cố gắng làm rồi sẽ thành công*”.

Cũng mong nơi tất cả đại chúng đều tinh tấn nhất tâm tu hành. Cầu nguyện từ lực đức Phật A Di Đà, cũng như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng với mười phương Chư Phật, cho đến các vị Bồ Tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Chư Thượng thiện Nhơn đến gia hộ cho tất cả Phật tử. Tất cả chúng ta khi bỏ thân này, đều được sanh về thế giới Cực Lạc, xa lìa xanh tử luân hồi, không còn sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não, hưởng sự an vui, tự tại, giải thoát.

Mong mọi tất cả đại chúng, ai nấy đều thành công trong pháp môn niệm Phật, chấp trì danh hiệu Phật để được vãng sanh Tịnh độ, thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà!

Nam mô A Di Đà Phật

---o0o---

4. Kệ niệm Phật hạ thủ công phu

“Một câu A Di Đà

Không gấp cũng không hưỡn

Tâm tiếng hiệp khẩn nhau

Thường niệm cho rành rõ”.

Khi hạ thủ công phu, ở nơi một câu hồng danh của Phật “ Nam mô A Di Đà Phật, niệm cho được vừa chùng, không quá mau (*không gấp*), cũng không quá chậm (*không hưỡn*), là niệm cho đều đặn. Kế đó, phải giữ làm sao cho tiếng niệm Phật cùng với tâm mình hiệp khẩn nhau, nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải nằm ở trong tâm, không để cho nó xao lãng theo một tiếng gì khác. Hễ nó thoát rời đi thì phải nhiếp kéo nó trở lại liền, để nó trụ nơi cái tiếng, như vậy gọi là “*Tâm tiếng hiệp khẩn nhau*”. Nghĩa là cái tâm và cái tiếng không khi nào rời nhau, mà tâm và tiếng không rời nhau thì đó mới gọi rằng thiết thật niệm Phật. Chớ nếu trong lúc mình niệm Phật mà mình lại tưởng và niệm những việc khác, đó là mình niệm việc khác chớ đâu phải là thật niệm Phật. Nếu là thật niệm Phật thì trong tâm mình chỉ nhớ và tưởng Phật mà thôi. Bây giờ niệm danh hiệu Phật, tất nhiên là mình nhớ và tưởng lấy ở nơi cái tiếng niệm Phật, cái hiệu của Phật, như vậy mới gọi là thiết thật niệm Phật. Thành ra, mình làm cái gì cũng phải cho thiết thật trúng cái đó, chớ nếu sai đi, tất nhiên khó có thể thành công được, do đó mới có câu “*Tâm tiếng hiệp khẩn nhau*”. Nên nhớ kỹ lắm mới được! Khi niệm Phật phải nhớ câu đó và phải làm cho đúng theo mới có lợi lạc. Nếu được tâm tiếng hiệp khẩn nhau như vậy mới gọi là niệm đúng cách và thiết thật.

Giờ đây, phải “**Thường niệm cho rành rõ**”. Tâm tiếng hiệp khấn nhau rồi, nhưng phải để ý cho nó rành. Rành là rành rẽ, tức là từ tiếng, từ câu không có lộn lạo; còn rõ là rõ ràng. Tiếng niệm Phật cho rõ ràng, hễ “Nam” thì rõ tiếng “Nam”. “A” thì “A”, cho đến “phật” thì “Phật”. Cái tiếng không trại đi, phải cho thật rõ, vì điều này rất cần lắm. Nếu mình niệm mà không nhận cho rành rẽ và rõ ràng, niệm một cách bơ thờ, về sau khi công phu được thuần thực, mà khi được thuần thực rồi, cái niệm trong tâm nó tự nổi lên cũng không rành rẽ, nó hơi trại đi. Còn nếu lúc nào cũng giữ cho rành rẽ, thì khi thuần thực, thì trong tâm mình nó cũng nổi lên tiếng niệm Phật rõ lắm, điều này rất quan trọng. Nên nhớ chữ “**Thường**” nếu muốn được cái tâm mà từ sau nó tự niệm lấy nó, không cần ép buộc nó mới niệm, phải *thường*, nghĩa là luôn luôn niệm cho được nhiều giờ và thời gian cho được tương tục nên gọi là *thường*. Chớ nếu trong một ngày, một đêm mà chỉ niệm có một hay hai tiếng đồng hồ thôi, còn hai mươi hai tiếng kia nghĩ việc này việc nọ thì biết bao giờ tâm mới thuần thực được! Phải tập cho nó niệm luôn, lâu ngày thành quen thuộc. Nhưng bây giờ mình bận đủ công việc, đâu phải như những vị rảnh rang, cầm túc, kiết thất hay tịnh niệm, tịnh khẩu chẳng hạn, vậy mình phải làm sao đây? Tất nhiên trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi và lúc rảnh, phải bắt tâm mình nó niệm Phật, trừ khi nào tâm mình bắt buộc chú trọng đến những công việc gì khác, nhưng xong rồi phải nhớ niệm Phật lại. Ví như lúc mặc áo cũng niệm Phật được, bởi vì lúc đó cái tâm có thể rảnh để niệm Phật. Lúc ngồi ăn cơm cũng vẫn niệm Phật được, hoặc lúc nằm nghỉ... chớ không phải chỉ niệm Phật lúc ở trước bàn Phật có chuông, có mõ quỳ nơi đó. Nếu chỉ có như vậy thì thời gian ít lắm, không thể gọi là thường làm được, và nếu không làm được như vậy thì khó thuần thực, khó thành thói quen. Về công hạnh niệm Phật, điều đó cần phải nhớ lắm mới được.

“ Nhiếp tâm là Định học.

Nhận rõ chính Huệ học.

Chánh niệm trừ vọng hoặc.

Giới thể đồng thời đủ”

Trong một câu niệm Phật gồm cả ba môn Vô lậu học mà các vị đệ tử của Phật cần phải thực hành là Giới, Định, Huệ. Như vậy, trong câu niệm Phật đang thực hành mà tương ứng với Giới, Định, Huệ là thể nào? Đáng lẽ là bài kệ phải nói Giới trước rồi mới tới Định và Huệ, nhưng vì phải theo việc trình bày, thành ra phải để Giới về sau.

Trước hết là mình nhiếp tâm niệm Phật cho đúng và cũng phải cố gắng khuyên những người có duyên với mình đều phải *tín*, phải *nguyện* và *thực hành* như mình để cho mình cùng tất cả mọi người được lợi ích nơi Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy và đúng theo bản hoài của Ngài là muốn cho tất cả chúng sanh đều thành Phật.

Tóm lại, mấy câu kệ nói trên nói về nơi hạ thủ công phu. Ở nơi một câu hồng danh của Phật “ Nam Mô A Di Đà Phật” hay là “ A Di Đà Phật”, niệm cho vừa chừng, không quá mau gọi là *không gấp*, không quá chậm gọi là *không hưỡn* và nơi đó phải nhiếp tâm

theo cái tiếng niệm Phật. Tâm với tiếng phải đi đôi với nhau, gọi là *tâm tiếng hiệp hẳn nhau*. Phải niệm cho được nhiều giờ trong ngày đêm. Khi niệm cái tiếng phải cho nó rõ ràng, nhận cho nó rành rờ, nên gọi rằng *thường niệm cho rành rờ*. Kế đó mới hiệp câu niệm Phật cho tương ứng với ba môn Vô lậu học Giới, Định và Huệ. Khi mình niệm thì nhiếp tâm, không cho tán tâm, tâm trụ nơi tiếng niệm Phật. Như vậy gọi rằng tâm duyên nơi một cảnh, nghĩa là cái tâm ở nơi một cảnh hồng danh của đức Phật, đó tất nhiên học về môn Định. Và khi niệm đó thì trí rất sáng, nhận ra tiếng niệm Phật rõ ràng, từ câu rành rờ. Trí sáng đó tất nhiên là tương ứng với môn Huệ học, lần lần trí huệ sẽ phát.

Trong khi mình niệm thì nhiếp tâm nơi chánh niệm, vọng niệm không xen vô, mà những lỗi lầm đều ở nơi vọng tâm phân biệt mà ra. Nay vọng tâm không có, tâm trụ ở chánh niệm, như vậy những lỗi lầm không có. Mà Giới là chi ? Tất nhiên là để ngăn, không cho ở nơi thân khẩu ý tạo tội lỗi. Giờ đây, thân khẩu ý trụ nơi câu niệm Phật là chánh niệm, không có những tội lỗi, thì tương ứng với Giới. Như vậy, trong một câu niệm Phật, lúc mình chuyên tâm đúng cách thì đầy đủ cả Giới Học, Định Học và Huệ Học. Khi Giới, Định, Huệ phát ra thì thành tựu, là chứng quả thánh.

Giờ đây mới tiếp tục để tiến lần thêm ở nơi cái phần niệm Phật cho nó được nơi Sự Tam Muội, hay Lý Tam Muội, tức là chánh định niệm Phật về Lý. Theo đúng như trong Kinh nói:” Người niệm Phật mà được ở nơi sự Tam Muội, thì khi lâm chung chắc chắn vãng sanh, vãng sanh rồi tất nhiên không mất phần Trung phẩm, và nếu được gồm Lý niệm Phật nữa thì khi vãng sanh không mất phần Thượng phẩm. Thượng phẩm tức là bậc Đại Bồ tát. Trung phẩm là ngang hàng với bậc Thánh của Nhị thừa, thành ra không phải bậc thường được. Đây theo nơi bài kệ để tuần tự giảng giải. Quý đạo hữu nên nghe kỹ và cố gắng để mình đi được bước nào thì được bước nấy.

“ Niệm lực được tương tục

Đúng nghĩa chấp trì danh

Nhất tâm Phật hiện tiền

Tam muội Sự thành tựu.

Khi niệm Phật nhiếp tâm đúng cách như vậy rồi, niệm mỗi ngày mỗi đêm, niệm được nhiều giờ, nhiều thời gian gọi rằng thường niệm. Đã thường niệm rồi, trải qua một thời gian tức nhiên cái tâm được thuần thực. Khi tâm được thuần thực rồi thì nó có cái trốn niệm Phật nơi tâm. Lúc đó thì không còn cần phải tác ý, không cần phải dụng công, nhưng nơi tâm vẫn cứ tiếp tục nổi lên tiếng niệm Phật. nhớ kỹ là cái tâm nổi lên tiếng niệm Phật không có gián đoạn, nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi gì cũng nhận thấy rằng tâm mình nó vẫn có cái tiếng niệm Phật, không cần phải dụng công, tác ý gì hết, đó gọi rằng là được *niệm lực tương tục*, là sức chánh niệm nổi tiếp. Cho nên biết rằng, lúc mình tác ý dụng công thì phải cố gắng lắm cái tâm mới duyên theo tiếng niệm Phật, nhưng thật ra trong lúc đó, tâm có nhiều khi không ở nơi mình, cái miệng niệm Phật, tiếng có phát ra mà cái tâm nhiều khi nó có nhận ra câu thứ nhất, câu thứ nhì thì lơ là, hay là ở trong câu niệm Phật đó nó nhận tiếng Phật, tiếng A, tiếng Mô lại lơ là. Còn giờ đây tâm tự động

niệm Phật, do sau khi mình niệm Phật được thường lâu ngày nó thuần thực. Nói lâu ngày đây, chớ như trình độ này, có người chỉ trong một ngày một đêm có thể được, nếu căn trí lanh lợi và tinh tấn. Có người chừng bảy ngày đã được rồi, còn người niệm Phật không thường lắm thì phải thành ra lâu. Nếu được cái sức niệm Phật ở nơi tâm tự động nó niệm, gọi là *bất niệm tự niệm* đó thì được cái chánh niệm nối tiếp luôn gọi là *niệm lực được tương tục*, mới đúng với cái nghĩa *chấp trì danh hiệu* mà trong kinh A Di Đà các đạo hữu thường tụng.

Thường thường, người tụng kinh A Di Đà ít có để ý, vì lời Phật nói ra không phải là thông thường, cần phải để ý lắm. Hễ Phật nói nhất tâm thì nhất định là cái tâm phải chuyên nhất thôi, không được xen gì hết mới gọi là nhất tâm. Còn Phật nói nhất niệm thì tức nhiên là cái niệm phải cột nó lại trong một chỗ mới gọi là nhất niệm. Giờ đây, Phật gọi rằng chấp trì danh hiệu thì tất nhiên ở nơi danh hiệu đức Phật, nơi hồng danh đức Phật A Di Đà hay là Nam Mô A Di Đà Phật, phải nắm cầm cho chắc, không lúc nào rời và không để cái gì xen tạp vô, như vậy mới gọi rằng cái tâm nó chỉ nắm cầm hay là giữ chắc một câu niệm Phật không rời. Nếu giữ chắc không rời câu niệm Phật mới gọi là niệm lực tương tục, dù không niệm tâm nó vẫn tự niệm, nói gọn lại là *bất niệm tự niệm* và cái chánh niệm nó được nối tiếp, nghĩa là tương tục. Đó mới thật là cái nghĩa chấp trì danh hiệu ở trong Kinh A Di Đà. Nên cuối câu kệ gọi rằng “Niệm lực tương tục, đúng nghĩa chấp trì danh”.

Khi niệm lực được tương tục, rồi nắm giữ danh hiệu của đức Phật mà không có một tạp niệm xen vô thì trong một thời gian tâm nó dừng lại, lia hết tất cả cảnh ngũ trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc nó không còn duyên nữa. Lúc đó, dù có con kiến cắn cũng không hay, nghĩa là nơi xúc trần, dù có mùi hương thoảng cũng không biết là lia nơi hương trần và cho có tiếng chi một bên cũng không nghe, có cái chi ở trước mắt cũng không thấy, dù lúc đó mở mắt, mà cái tâm chỉ duyên rành rẽ ở câu niệm Phật và chỉ có nhân câu niệm Phật mà thôi. Lúc đó trong thì quên thân, ngoài không duyên theo cảnh, cái tâm nó đứng lặng là “nhất tâm bất loạn”. Khi được như vậy rồi, trong kinh Vô Lượng Thọ nói, lúc đó Phật thân hiện, Phật A Di Đà hiện cho đến Phật cảnh Cực Lạc hiện, nên câu kệ gọi rằng: “**Nhất tâm Phật hiện tiền**” Đó là thành tựu được sự Tam Muội. Câu kệ gọi là: “**Tam muội sự thành tựu**”. Chánh định thuộc về sự, thì tâm mình chỉ trụ nơi câu niệm Phật. Trong quên thân, ngoài không duyên theo cảnh, và lúc đó, Phật và Thánh cảnh hiện, nó thuộc về sự tướng. Nếu người được ngang nơi đây thì sau khi được vãng sanh, bảo đảm ở nơi Trung phẩm, tức ngang với hàng Thánh của Nhị thừa. Còn nếu được “Niệm lực tương tục, đúng nghĩa chấp trì danh” ở trên là bảo đảm vãng sanh, nhưng mà trong phẩm vị thì chưa chắc phẩm nào, còn tùy theo ở nơi thiện căn công đức của người tu hành.

“Đương niệm tức vô niệm

Niệm tánh vốn tự không

Tâm làm Phật là Phật

Chứng lý Pháp thân hiện.”

Bây giờ, do nơi chánh định thuộc về Sự nên tâm đứng lặng, do tâm đứng lặng thành ra trí huệ phát. Trí huệ đây gọi là Vô lậu trí huệ hay Thanh trí phát. Do nơi phát đó mà toàn thể tự tâm bỗng tánh hiển hiện. Trong Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh. Lúc đó, đã thấy ở nơi bỗng tánh rồi, mà bỗng tánh không phải cái tánh riêng của một cái gì hết, nó là cái tánh của Tâm mà cũng là tánh của Pháp. Mà đã là tánh của tất cả pháp rồi thì đương nhiên lúc niệm Phật đó, cái tâm nó trụ ở nơi câu niệm Phật, nơi sự niệm Phật. Chính ở nơi sự niệm Phật đó lại tỏ ngộ, thấy là vô niệm. Cho nên biết rằng, thể tánh chân thật của tất cả các pháp, nghĩa là không luận của tâm hay là của sắc đều là cái tánh không tịch cả. Đã không tịch tức nhiên nó không có một sự gì và cũng không có một tướng gì hết. Cái thể tánh nó chơn thật như vậy. Do đó, mới tùy duyên ra mà có tất cả sự, tất cả pháp. Vì vậy, nên khi tỏ ngộ bỗng tâm tự tánh rồi thì thấy cái chánh niệm mình đương niệm đó tức là vô niệm, gọi là “đương niệm tức vô niệm”.

Cái tánh của chánh niệm không phải mình làm cho nó không, bởi vì bỗng lai (xưa nay) là không. Cũng như cái tánh của tất cả tâm, cái tánh của tất cả pháp, bỗng lai nó là không tịch. Do đó, cho nên sợ rằng người học đạo không biết “cố ý mà dẫn ép cái tâm”, phải nhận rằng ở nơi niệm cái tánh là không. Lúc đó, thấy cái niệm là không tánh mà cũng rõ biết rằng cái tánh của niệm bỗng lai nó là không. Như vậy, mới thật là thấy cái thật tánh của niệm. Nếu thấy thật tánh của niệm thì thấy thật tánh của các Pháp, bởi vì tất cả pháp đều là một tánh mà thôi.

Cho nên thấy Phật tánh của một pháp tức nhiên thấy được thật tánh của tất cả pháp. Nên hai câu kệ mới nói đương niệm, chính lúc đương niệm đó không phải bỏ niệm, mà giác ngộ là vô niệm. Giác ngộ vô niệm là chi ? Tức là cái niệm tánh không tịch, mà cái niệm tánh không tịch đó là tánh bỗng lai của cái niệm, cho nên gọi rằng “niệm tánh vốn tự không” chứ không phải là nó mới “không” đây, tại vì trước kia mình mê muội, mình theo sự tướng thấy nó thế này, thế kia đủ thứ hết.

Giờ đây giác ngộ được rồi thì thấy bỗng tánh không tịch, bỗng tánh không tịch đó là bỗng lai từ hồi nào đến giờ nó vẫn không tịch như vậy, chớ không phải mới, không phải do mình tu hành đây rồi mới là không .

Kể đến câu : **“Tâm làm Phật là Phật”**.

Đồng thời, lúc đó phải giác ngộ cái tâm của mình đây chính là chơn tâm thật tánh của mình. Vì rằng ở trên, hễ giác ngộ ở nơi tâm niệm đó rồi thì thấy rõ bỗng tâm của mình làm Phật, và bỗng tâm đó chính là Phật. Đó gọi rằng là bỗng tâm chân thật. Lúc đó, tất nhiên gọi rằng chi ? Là đã chứng nơi Lý tánh, thành tựu Lý Tam muội niệm Phật và đồng thời Pháp thân Phật hiện. Ở trên về Sự Tam muội, gọi rằng Phật hiện tiền, lúc đó có Phật ở ngoài mình mà hiện ra, rồi mình Thấy Phật hiện. Còn giờ đây nơi thân tâm mình làm Phật là Phật. Nên biết rằng, sự tỏ ngộ đó không phải ở nơi trí suy luận mà tỏ ngộ, chính là Hiện lượng chứng trí lúc đó nhận như vậy, thấy như vậy, chứng như vậy chứ không phải là suy luận. Mà đã chứng ngộ ở nơi bỗng tâm mình làm Phật và tức là Phật, vậy Phật và tâm không phải hai, chính tâm là Phật, Phật là tâm. Như vậy tất nhiên là chứng nơi Pháp thân, gọi là pháp thân hiện tiền. Lúc đó, Pháp thân Phật hiện, còn ở trên nơi sự Tam muội mà Phật hiện đó là Phật sự tướng hiện, sắc thân Phật hiện, còn đây là “Pháp thân Phật hiện”.

Nếu người được đến đây rồi, khi vãng sanh quyết định ở nơi Thượng phẩm, tức là một vị Đại Bồ tát. Hiện tại, người ấy ở tại đây cũng là một vị Bồ tát. Tầng bậc này đối với Thiên tông gọi là chứng tâm tánh. Sau khi minh tâm kiến tánh rồi, chứng tâm tánh gọi là đại triệt, đại ngộ. Nhưng ở nơi Pháp môn niệm Phật thì hơn nơi Thiên tông, bởi vì Thiên tông đến khi minh tâm kiến tánh hay là chứng nhập tánh rồi, còn cần phải theo một thời gian rèn luyện để dứt trừ những nghiệp chướng phiền não. Còn người niệm Phật thì không như vậy. Bởi vì ngoài sự tỏ ngộ ra, còn có nguyện lực của Phật nhiếp trì, mà đã vào trong nguyện lực của Phật nhiếp trì rồi, tức nhiên chẳng những là chứng ngộ nơi tự pháp thân mà cũng ở vào nơi Pháp thân của Phật A Di Đà. Do đó không luận nghiệp chướng phiền não, sau khi bỏ thân này rồi về Cực Lạc thế giới, được vãng sanh ở Thượng phẩm thì mấy cái đó tự mất. Thế nên trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói : “ Người được vãng sanh về Thượng phẩm, bậc đó gọi rằng ở vào Sơ địa Bồ tát” Hiện tiền sau khi sanh về có thể dùng cái trí lực và thần thông, hiện thân làm Phật trong 100 thế giới không Phật. Nghĩa là trong thế giới nào không Phật thì vị Bồ tát có thể hiện thân làm Phật để độ chúng sanh. Nên biết rằng, mỗi thế giới như vậy là có vô số tiểu thế giới hiệp lại, cũng như Ta bà thế giới của mình có 1.000 triệu cái tiểu thế giới hiệp lại, nghĩa là 1.000 triệu cái Thái dương hệ hiệp lại mới thành thế giới Ta Bà.

Do đó lúc đức Thích ca Mâu Ni thành Phật rồi, thì cái thân hiện ra gọi rằng “Thiên bá ức”, 1.000 trăm lần ức. Một ngàn trăm ức đó là 1.000 tỷ. Một ngàn tỷ thân Phật Thích Ca chớ không phải một thân Phật Thích Ca. Đó là một thế giới, mà đây vị Bồ tát chứng Lý Pháp thân, nghĩa là nơi Lý Niệm Phật Tam Muội thành tựu rồi, vãng sanh về cõi Cực Lạc, trụ nơi bậc Sơ địa có thể dùng thần thông trí huệ hiện thân làm Phật ở trong 100 thế giới không Phật tế độ chúng sanh.

Mình thấy pháp môn niệm Phật, nếu bắt đầu từ dưới nhìn lên trên và từ trên nhìn lần xuống dưới, đường đi rành rẽ hết sức là phân minh. Và ở nơi đó, mình cũng không đến nỗi quá khó, chỉ có khó là mình phải tin, quyết định thực hành, tin tấn và không giải đãi mà thôi. Khó là có chịu nhất định để tu và quyết định tinh tấn hay không ? Chỉ có khó nơi đó mà thôi. Theo pháp môn niệm Phật thì không có cái chi là khó lắm, không phải như các pháp môn khác. Vì các pháp môn khác do tự lực. Tự lực thành khó, và ở nơi các pháp môn khác mà đến chỗ chứng lý pháp thân hiện không phải dễ. Bên Thiên Tông thuộc về Vô tướng tu. Vô tướng tu đó khó nắm nơi đâu để mà làm cột trụ, để hạ thủ. Nếu sai một chút thì thuộc về hữu tướng, mà hữu tướng tất nhiên không phải của Thiên tông, sai rồi thì không thành tựu được. Còn như theo Pháp Hoa tông mà tu thì cũng phải tâm chi tâm quán, cái đó không phải dễ được. Theo Hoa Nghiêm tông thì thuộc về pháp quán rất khó. Theo như Duy Thức tông tu thì phải là duy thức quán, quán chẳng phải dễ. Đó là những pháp môn tự lực tu

Muốn biết được trình độ gọi là chứng Lý pháp thân hiện thì phải ở các tông thuộc về Viên đốn Đại thừa. Nếu ngoài những tông đó ra mà tu những tông khác thì không thể đến các tầng đó được. Những tông vừa kể trên tu chứng đến tầng này khó lắm, bởi vì thuộc về tự lực. Còn đây, ngoài tự lực ra, pháp môn niệm Phật này còn có tha lực, tức là nguyện lực của Phật nhiếp trì. Do đó, có sự dễ dàng hơn, bảo đảm hơn. Huống nữa là ở trong pháp môn niệm Phật này, nếu mình chỉ được ở nơi tầng công phu thấp nhất là có sự chuyên niệm được tương ứng với nơi nghĩa chấp trì tất nhiên bảo đảm vãng sanh. Nếu

được vãng sanh rồi thì dự vào hàng Thánh, được Bất thối chuyển nơi đạo Vô thượng. Dù rằng đối với các bậc mà được Sự Tam muội niệm Phật hay Lý Tam muội niệm Phật là còn thấp. Nhưng kỳ thật, khi đã được vãng sanh rồi thì dự vào hàng Thánh được Bất thối chuyển, nhất là được về thế giới Cực Lạc, không có sự khổ về già, bệnh, chết, không có các sự khổ như là những cảnh duyên nó làm mình xao động, hoặc là sự ép buộc ở nơi thời tiết, nhất là những việc ăn, việc mặc nó làm mình bận rộn cả ngày đêm. Không có tất cả điều đó tất nhiên rảnh rang tu hành, mà trong khi rảnh rang đó lại có tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, tiếng nước chảy đều phát ra tiếng nói pháp hết.

Hơn nữa nơi Cực Lạc thế giới, như trong kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà mà các đạo hữu thường tụng, thì các bậc Nhất sanh Bồ xứ Bồ tát Thượng thiện nhơn là bạn, và người được vãng sanh sẽ được ở chung với các bậc đó. Cho nên trong kinh A Di Đà có nói : “ Những người nào mà nghe nơi đây thì phải phát nguyện, nguyện sanh về Cực Lạc thế giới. Tại sao vậy ? Vì đồng với các bậc Thượng thiện nhơn Nhất sanh Bồ xứ Bồ tát câu hội một chỗ, ở chung một chỗ”.

Như vậy thì thấy, mình về bên đó rồi thì cùng ở chung với các bậc Đại Bồ tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và vô số các vị Bồ tát khác. Cung điện của mình ở đây, thì cung điện của các Ngài ở kia, muốn gặp lúc nào cũng được, muốn hỏi han lúc nào cũng tiện. Và hoá thân của Phật ở khắp nơi trong thế giới Cực Lạc, không có chỗ nào không có hóa Thân Phật hết. Thành ra, muốn thấy Phật lúc nào cũng được, trừ những bậc thuộc về Thượng phẩm, chứng Lý Pháp thân. Chừng đó tất nhiên về thế giới Cực Lạc, mới thấy được báo thân của Phật, còn những bậc dưới thì thấy hóa thân. Hóa thân thì cũng như báo thân, bởi vì sự thuyết pháp độ sanh của Phật thì báo thân, hóa thân gì cũng giống nhau, nhưng cái thân có khác theo trình độ người: thân lớn, thân nhỏ, cái chỗ đẹp nhiều hay là đẹp ít khác nhau, theo cái trí lực ở nơi con mắt thấy nó sai khác, mà sự giáo hóa vẫn đồng.

Phật giáo bao giờ cũng theo căn cơ mà thuyết pháp. Cho nên, trong kinh A Di Đà Phật nói: “ Người nào theo kinh này mà thọ trì, tu hành cùng những người đã phát nguyện, đương phát nguyện, sẽ phát nguyện vãng sanh về cõi nước của đức Phật A Di Đà, thời những người đó đều đặng không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng chánh Giác” Nghĩa là người đó sẽ được vãng sanh và được bảo đảm đi thẳng đến thành Phật mà thôi. Do đó, thấy căn cơ của mình hiện tại đây, cũng như tất cả mọi người trong thời gian này mà rời pháp môn niệm Phật, quyết khó bảo đảm giải thoát lăm, đừng nói là bảo đảm thành Phật. Vậy các đạo hữu nên tự tu cho tinh tấn và cũng đem pháp môn niệm Phật chỉ dạy người khác và khuyên bảo người khác nên thực hành như mình.

---o0o---

5. Pháp môn niệm Phật là phương tiện thù thắng của Như Lai.

Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ, đức tướng như Phật không khác. Chỉ vì giác tánh theo trần lao, nên toàn thể trí đức chuyển thành vô minh phiền não. Rồi thuận theo phiền não gây tạo những nghiệp hữu lậu, kết thành quả báo trong Tam giới. Từ quả báo

sanh tử phiền não, rồi lại gây nghiệp hữu lậu... Vì có ấy, nên chúng sanh từ vô thủy đến nay, trải vô lượng vô biên kiếp mãi chịu khổ trong vòng sanh tử luân hồi.

Vì lòng đại bi, đức Phật xuất thế thuyết pháp độ sanh. Nguyên bản tâm của Phật chỉ muốn tất cả chúng sanh đều thoát hẳn sanh tử luân hồi, chứng viên mãn Phật đạo mà thôi. Song vì chúng sanh căn tánh lợi độn không đồng, trí ngu sai khác nên đức Phật phải chịu theo cơ nghi mà giáo hóa. Do đó pháp môn của Phật có nhiều đến vô lượng.

Với chúng sanh hạng lợi căn đại trí, thời đức Phật dạy Phật thừa để đặng liền viên Phật quả, như Thiện Tài trong Pháp hội Hoa Nghiêm, Long Nữ nơi đạo tràng Diệu Pháp...

Với chúng sanh hạng căn trí kém, thời đức Phật giảng Bồ tát thừa, Duyên giác thừa và Thanh văn thừa, để cho hạng ấy lần lượt tu tập, tuần tự chứng quả.

Với chúng sanh trình độ quá thấp, thời đức Phật nói Thập thiện, Ngũ giới, Thiên thừa và Nhơn thừa cho hạng ấy nương theo để khỏi sa đọa vào ác đạo, đặng còn thân nhơn thiên mà vun bồi thiện căn lần lần. Tương lai nương nơi căn lành ấy mà tấn tu Thánh đạo. Hoặc học Bồ tát thừa tu Lục độ vạn hạnh mà chứng pháp thân, hoặc y theo Duyên giác thừa hay Thanh văn thừa ngộ duyên sanh cùng Tứ đế mà đoạn phiền não chứng Niết bàn.

Tất cả những Pháp môn ấy, bất luận là Tiểu thừa hay Đại thừa, Tiệm giáo hay Đốn giáo, nơi hành giả đều phải *tự lực tu tập* cho đến đoạn tận hết phiền não mới ra khỏi vòng sanh tử. Nếu kiến hoặc, tư hoặc còn chùng mảy tơ thời cội gốc sanh tử vẫn chưa dứt hẳn. Như Tam quả Thánh nhơn (A na hàm), sau khi sanh lên bất Hườn Thiên, còn phải trải qua nhiều thời gian mới chứng quả A La Hán. Chứng A La Hán rồi mới thật dứt hẳn cội gốc sanh tử.

Nhưng A La Hán chỉ là bậc Thánh Tiểu thừa, còn phải hồi tâm tu Đại thừa mà cầu Phật đạo. Rèn bi nguyện hiện thân trong lục đạo tu hành Lục độ vạn hạnh, trên cầu thành Phật, dưới cứu khổ mọi loài, lần lượt chứng các bậc: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác Bồ tát. Bậc Đẳng giác lại phải dùng Kim Cang Trí phá một phần phẩm sanh tướng vô minh, mới viên mãn Chứng trí mà chứng Phật quả (Diệu giác)

Giáo pháp của đức Phật chỉ dạy, từng bậc tu chứng từ phàm lên Thánh, từ Thánh đến Phật, quyết không thể vượt ngoài tuần thứ kể trên.

Đức bổn sư của chúng ta biết rằng : “ Nếu chúng sanh chỉ dùng tự lực để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thời rất khó đặng”. Nên ngoài vô lượng pháp môn chỉ thuộc tự lực, Ngài dạy một pháp môn tự lực nương tha lực rất viên đốn, rất huyền diệu, dễ thực hành mà thành công cao, dùng sức ít mà mau có hiệu quả, tất cả căn cơ đều hạp, tất cả Thánh phàm đồng tu. Chính là *pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh* vậy.

Đức Phật A Di Đà có thể nguyện nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Nên người dùng tín nguyện mà niệm Phật (tự lực) thời cảm thông với nguyện lực của Phật. Nương nguyện

lực của Phật nhiếp thủ (tha lực), liền đặng siêu thoát sanh tử luân hồi mà sanh về Cực Lạc Tịnh Độ. Đã được vãng sanh tức là cao thăng vào bậc Thánh lưu Bất thối, nên gọi là rất viên đốn, rất huyền diệu và thành công cao.

Nơi pháp môn này, phương pháp thực hành rất giản tiện, mọi người đều có thể tùy phần, tùy sức mà hành đạo. Chỉ cần chỗ tu cho đúng pháp thì chắc chắn sẽ thành tựu, nên gọi là dùng sức ít, dễ thực hành và mau có hiệu quả. Tổ Thiện Đạo cho rằng, nghìn người tu không sót một. Vĩnh Minh đại sư công nhận là mười người tu được cả mười...

Với pháp môn Tịnh độ này, không luận là trí hay ngu, không luận là Tăng hay tục, không luận là giàu sang hay nghèo hèn, không luận là già trẻ nam nữ, không luận là sĩ, nông, công, thương... tất cả các giới trong xã hội đều có thể tu tập và thành tựu.

Văn Thù Bồ tát nói : “ Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật. Niệm Phật là *vua* trong các pháp môn”

Đức Quan Thế Âm bảo : “ Tịnh độ pháp môn hơn tất cả các hạnh khác”

Mã Minh đại sĩ bảo rằng: “ chuyên tâm niệm Phật là phương tiện siêu thắng của đức Như Lai”

Long Thọ tôn giả nói: “Niệm Phật Tam muội có đại trí huệ, đại phước đức, hay đoạn trừ tất cả phiền não, hay độ được tất cả chúng sanh. Niệm Phật Tam muội hay sanh vô lượng Tam muội, cho đến Thủ Lăng Nghiêm Tam muội”

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát nói: “ Pháp môn niệm Phật là tâm tông của Chư Phật, là con đường giải thoát tất nhất của mọi loài”.

Ấn Quang đại sư từng nói: “ Vì nương Phật lực nên tất cả mọi người, không kể nghiệp hoặc nhiều hay ít, cũng không kể công phu hành đạo cạn hay sâu, miễn *tin cho chắc, nguyện cho thiết*, thời quyết muôn người tu muôn người vãng sanh không sót một. Còn nếu là bậc đã đoạn hoặc chứng chơn mà cầu vãng sanh, thời đốn siêu Thập địa; bậc Thập địa mà cầu sanh thời mau viên Phật quả. Vì thế nên Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v...các Đại Bồ tát đều nguyện vãng sanh. Đến như kẻ tạo ác cả đời sắp đọa địa ngục, hồi tâm niệm Phật cũng được giải thoát, như các ông Trương Thiện Hoà, Trương Chung Húc, Hùng Thuấn, Duy Cung v.v...”

Hạng người phạm tội ác ấy mà còn thành tựu được thay, huống là những người chưa quá ác, huống là người lành!

Do đây nên thấy rằng, pháp môn Tịnh độ này nhiếp cả Thánh phàm, nhiếp cả thiện ác, nhiếp cả chúng sanh, như biển lớn gồm thấu muôn dòng vậy.

Vì pháp môn Tịnh độ với chúng sanh có sự lợi ích rộng lớn như thế, nên muôn kinh vạn luận luôn luôn nhắc đến, chư Thánh, chư Hiền đều nguyện cùng về.

Thật là : “ Cửu giới chúng sanh rời pháp môn này thời chẳng thể viên thành Phật quả. Thập phương chư Phật bỏ pháp môn này quyết không thể độ khắp quần sanh”

Trong kinh Đại Tập, đức Phật có lời huyền ký: “ Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có một người được giải thoát. Chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”.

Đó là Phật bảo chúng ta phải tín hướng và thực hành theo pháp môn Tịnh độ này vậy. Chúng ta há chẳng phải là người thời mạt pháp đó ư!

Vì những lẽ trên mà biết rằng: Ngoài môn niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, quyết định chúng ta hiện đời không thể siêu sanh thoát tử được. Còn đúng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh này mà tu, chắc chắn một đời này chúng ta đăng vãng sanh Cực Lạc, và đảm bảo trên đường thành Phật.

Thế nào là tu đúng pháp?

Tổng quát rằng: “Thật vì sanh tử phát Bồ đề tâm, dùng tin sâu và nguyện thiết mà chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật” . Đây là tông thú chủ chánh của pháp môn Tịnh độ này. Tâm hạnh đúng theo đây gọi là tu đúng pháp.

Khi được nghe giáo pháp của đức Phật dạy về pháp môn Tịnh độ, chúng ta tự nghĩ rằng: “ Cõi Ta bà là chốn ngũ trược ác thế, Tam giới như là lửa, cõi dục mà chúng ta hiện ở đây khác nào một cái hồ sâu đầy sinh. Ta và mọi người cho đến muôn loại, hiện tại cũng như dĩ vãng, nhiều đời nhiều kiếp mang lấy không biết bao nhiêu là sự thống khổ trong vòng sanh tử luân hồi. Ngày nay, ta được thân người, lại được nghe biết pháp môn giải thoát mau tắt siêu thăng, ta phải kíp quyết chí y pháp tu hành, để mình và mọi người đồng thoát ly sanh tử khổ, đồng chứng chơn thường lạc”. Đây là thật vì sanh tử mà phát Bồ đề vậy”.

Rồi ta tự nhận rằng: “ Thân cùng cảnh ở cõi Ta bà này đủ điều chướng đạo, như dễ sanh phiền não, dễ đắm nhiễm, dễ gây ác nghiệp. Nội những sự già, bệnh, chết, vô thường thiên biến cũng đủ ngăn trở con đường giải thoát của ta. Còn thân cùng cảnh ở Cực Lạc rất là lợi đạo, thường được thấy Phật, luôn nghe pháp âm, nên tâm thanh tịnh và định huệ thành; ở chung với chư Đại Bồ tát Thượng thiện hơn thời Thánh nghiệp ngày tăng, Chánh hạnh ngày tấn; không già, không bệnh, thọ mạng vô lượng vô biên A Tăng kỳ kiếp, nên một đời, một thân thăng lên đến bậc Đăng giác Bồ xứ thành Phật”.

Ta lại nhận định: “ Nguyện lực của đức Từ phụ A Di Đà rộng lớn bất tư nghị. Nay ta đúng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ mà tu, quyết đăng Phật niết thọ, quyết đăng vãng sanh. Đã đăng vãng sanh tức là trụ bậc Bất thoái, mau thành Phật đạo. Chỉ có nguyện lực của Phật là chiếc thuyền từ có thể đưa ta ra khỏi biển khổ thôi. Chỉ có cõi Cực Lạc là Đại Học Đường có thể đem ta đến bờ Đại giác”.

Tự nhận như thế rồi, bền chặt một lòng nguyện thoát ly Ta bà ác trực, như người tù muốn ra khỏi ngục tối không chút quyến luyến; nguyện về Cực Lạc thanh tịnh, dường như trẻ thơ đi lạc mong mỗi được về nhà không chút đắn dả.

Nhận định như vậy, lập nguyện như vậy, đó là “ Tin sâu cùng nguyện thiết”

Bắt đầu từ đây cho đến trọn đời, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, tùy sức, tùy phần, chí tâm trì niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, coi đó như một công vụ hết sức khẩn yếu phải tận lực mà làm. Nếu là người rảnh rang vô sự thì ngày cũng như đêm, lúc đi đứng cũng như lúc nằm ngồi giữ chặt chánh niệm. Phật không rời tâm, tâm không rời Phật. Hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm nhiếp cả sáu căn, Phật hiệu nổi luôn. Đây là tương tục chấp trì. Niệm như vậy lâu ngày sẽ tự chứng Tam muội: hiện tiền thấy Phật thọ ký, lâm chung cao thăng thượng phẩm. Còn nếu là người đa đoan công việc, như việc nước, việc nhà v.v... không nhiều giờ rảnh thời nên tối và sáng sớm, thực hành phương pháp “ thập niệm”, giữ mãi trọn đời không sót, không bỏ cũng được vãng sanh. Vì đức Từ phụ có bốn nguyện : “ *Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu tôi rồi chí tâm tin muốn, nguyện sanh về cõi nước tôi nhân đến mười niệm mà không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh Giác*”.

Ngoài ra người nào ở trong trường hợp chặng giữa, thời châm chúc phân thời định khóa mà thọ trì. Tất cả đều phải cung kính, chí tâm, kỹ chắc trong lúc trì niệm, là điều kiện khẩn yếu. Hành trì như vậy gọi là chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật, và đây là chánh hạnh.

Người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc còn cần phải làm những điều lành, như có lòng từ bi, giới sát hộ sanh, bố thí cứu tế, trì trai, giữ giới, hiếu thảo cha mẹ, kính thờ sư trưởng, phò trì Tam Bảo, lợi mình, lợi người, dẹp lòng ngã mạn tham sân, thêm lớn hòa vui nhẫn nhục, tin sâu nhân quả, mở mang chánh kiến ... dùng đây làm trợ hạnh.

Tín nguyện đã có, chánh trợ đã đủ, đến lúc lâm chung, chắc chắn được đức Từ phụ cùng Thánh chúng thừa bốn nguyện lực đích thân đến tiếp dẫn Vãng sanh Cực Lạc.

Tín, Nguyện và Hạnh phải được cả ba mới được vãng sanh, như cái đánh ba chân, thiếu một thời ngã. Nhưng nên hiểu thêm rằng: “Được vãng sanh là do lòng tin sâu chắc, chí nguyện tha thiết để cảm thông với nguyện lực của Phật”. Còn nơi công hạnh ít thời quả thấp, nhiều thời phẩm cao. Do vì công hạnh không hạn cuộc mà chú trọng nơi tín và nguyện như vậy, nên đoạn trước có nói, tất cả người trong tất cả các giới ở xã hội đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu được cả. Vì tin sâu và nguyện thiết, hạng người nào cũng có thể lập được; thập niệm, niệm Phật, ở trường hợp nào cũng đều thực hành được.

Phần III - NHỮNG CẢNH SEN TRẮNG

Thời gian qua, tôi từng tự nghĩ: “ Ta cùng thập phương chư Phật đồng một bản chơn giác tánh, đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật há chẳng từng dạy rằng, *tất cả chúng sanh đều đầy đủ Như Lai trí huệ, đức tướng đó sao!*”.

Từ sơ thì có thân, không phải là ta sau chư Phật, các Ngài đã giải thoát tự tại, đủ vô lượng trí huệ công đức thần thông, mà ta hiện vẫn bị buộc ràng trong vòng sanh tử, đầy vô biên phiền não, tội nghiệp khôn khổ? Phải chăng do vì chư Phật sớm chứng ngộ bản chơn, còn ta mãi mê say trần tục! Thật đáng hổ thẹn! Thật đáng thống trách!

Tôi lại tự nghĩ: “Đã tự biết lỗi, giờ đây ta phải kíp lo sao cho được giải thoát, và phải giải thoát nơi đời hiện tại. Nếu trong đời này mà chưa được giải thoát, đời sau quyết khó bảo đảm và vẫn có thể loanh quanh mãi trong vòng luân hồi như những đời quá khứ thôi! vì sao vậy? Vì có nhiều điều rất chướng ngại con đường giải thoát của chúng ta ở đời sau:

1. Do phước lực tu hành hiện đời mà ta sẽ sanh lên các cõi trời ư? Trong kinh có lời: “Chư thiên cõi dục, vì cảnh ngũ dục quá thắng diệu dòi dào làm cho say mê, lại không có sự thông khổ làm cho thức tỉnh, nên khó phát tâm chịu nhọc, chịu khổ mà tu hành đạo hạnh. Hưởng phước vui mãi mà không tu, tất có ngày hết phước mà phải sa đọa. còn Chư Thiên trong cõi Sắc và Vô sắc vì mãi an trụ trong cảnh giới thiên định, khó tán tu đạo giải thoát, lúc sức thiên định đã mãn vẫn y nhiên làm kẻ luân hồi”

Vĩnh Gia thiên sư nói: “Người tu phước sinh lên các cõi Trời sẽ chiêu lấy quả khổ ở tương lai, như bắn mũi tên lên hư không, khi sức đã mãn tên lại rơi xuống đất”.

Đó là sanh lên cõi trời không bảo đảm giải thoát.

2. Ta sẽ được thân làm người nữa ư? Đui, điếc, câm, ngọng trên mặt địa cầu rất lắm kẻ; Kinh, Thượng xuôi ngược cũng nhiều người, biết bao xứ không Phật, Pháp, Tăng; nơi nơi đầy ngoại đạo tà giáo. Được thân người mà có một trong những điều trên đây tất khó mong tu hành chánh đạo, sẽ lạc vào tà ngoại. Ngoài ra, nếu ta có phước làm vua, làm quan, làm nhà triệu phú thì “sang giàu học đạo là khó”, lời Phật rành rành trong kinh Tứ Thập Nhị Chương. Hoặc giả đời trước có tu thiên quán mà được thông minh thì “thế trí biện thông” là một trong bát nạn. Đó là chưa kể đến không biết bao nhiêu người lợi dụng sự sang giàu, tài trí để gây tạo những tội ác tà trời, mà ta thường nghe, thường thấy trong đời...

Dù cho thân người đời sau của ta, do căn lành mà ở ngoài những chướng nạn ấy, nhưng theo lời Phật dạy, Phật pháp càng ngày càng đi sâu vào thời mạt, bậc minh sư thiện hữu chơn chánh tu hành, có đạo lực là rất khó gặp. Thầy bạn giải thoát đã không, ai là người dẫn đường cho ta đắc đạo? Lại đương nhằm kiếp giảm, tuổi thọ con người càng lúc càng bớt dần, đời sau chưa tu hành được gì rồi chết, đời thứ ba, thứ tư sẽ ra thế nào? Ta sẽ đi vào đâu?

Thế dù được sanh làm người trở lại, không thể bảo đảm là sẽ giải thoát.

3. Phật nói: “Chúng sanh được thân người như đất dính móng tay, còn sa vào ác đạo như đất toàn cõi đại địa”. Sau khi bỏ thân này, ta dám cả quyết là không đi xuống ư? Kinh nói: “Phạm một tội nhỏ(kiếp la) phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ Thiên Vương”. Huống là nghiệp chướng từ vô lượng đời đến nay khó có thể lường. E rằng : “Cường giả tiên khiên”, một bước trật chân chắc chắn là lăn xuống đến đáy hố sâu. Đây là điều lo sợ cho đời sau mãi mãi trầm luân.

Ôi! Thân người khó đặng, Phật pháp khó được nghe. Nay ta do túc thiện căn nên được hưởng chút ít dư âm của Như Lai, võ vẽ biết đôi đường giải thoát, thật là đại hạnh! Thật là hi hữu! Ta còn chờ gì mà không thẳng bước tấn tu ? Ta còn đợi chi mà chẳng kịp đoạn dòng sanh tử? Và cả nhơn loại kia, cả mọi loài kia, cũng đang nổi chìm trong biển khổ không bờ, ta phải thẳng tiến đến Phật quả, để rồi vận thuyền từ bi nguyện lực cứu vớt quần sanh, không thể dãn dà được.

Rồi tôi tự ngẫm: “Y cứ nơi Thánh giáo, dứt sạch Tam giới kiến tư hoặc mới siêu thoát luân hồi. Nếu phiền não còn mảy may, cội gốc sanh tử vẫn chưa đoạn. Đây là thông luận của Tiểu thừa và Đại thừa.

Riêng phần Đại thừa, được bảo đảm trên con đường giải thoát thành Phật, tất phải vào bậc Tín tâm bất thối làm đầu. Chứng bậc này, theo Khởi Tín Luận, phải là người đủ năng lực thiện căn huân tập, thâm tín nhân quả, chừa ác mạc tác, chứng thiện phụng hành, phát Bồ đề tâm, đặng gặp chư Phật gần gũi cúng dường, tu Bồ tát hạnh. Tu tập như vậy mãi đến đủ một vạn đại kiếp tín tâm mới thành tựu.

Ôi! Như thế thời thế nào? Ta là chúng sanh thời mạt pháp, tự thấy mình phước mỏng nghiệp dày, chướng sâu huệ cạn. Chỉ nguyện được giải thoát nội hiện đời của ta, chỉ nguyện đi thẳng đến viên mãn Phật quả của ta, có thể thành cảnh mộng ư?.

Nhưng tôi tự an ủi: “Đức Như Lai có dạy một phương tiện siêu thắng để bảo đảm sự giải thoát, mà cũng để bảo đảm vững bước đường thành Phật cho tất cả chúng sanh: *Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới!*

Theo lời Phật, dù là hạng cực ác mà chịu hồi tâm tu theo pháp môn này, trong một thời gian rất ngắn(10 niệm) cũng được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thời siêu phàm nhập Thánh, thoát hẳn sanh tử, bất thối Vô Thượng Bồ đề.

Nương Pháp môn này, ắt là ta sẽ được toại bốn nguyện : giải thoát, thành Phật, độ sanh. Người cực ác tu hành còn thành tựu thay, huống ta chưa là kẻ ác”.

Từ ngày ấy, tôi lập chí kiên quyết nơi Tịnh độ và cố gắng thực hành. Tôi giao phó pháp thân huệ mạng của mình cho đức Từ phụ A Di Đà Phật, coi cõi Cực Lạc là gia hương của mình, bớt lần sự duyên để chuyên tâm niệm Phật...”.

(Trích: Đường về Cực Lạc)

---o0o---

Từ xưa, trong những xứ mà Đại thừa giáo được lưu hành, nhất là Trung Hoa, Tự lực môn và Phật lực môn thường khi thành đối lập, rất chướng ngại cho người học đạo, mặc dù đều từ kim khẩu của đức Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết, và đều là của Đại đức Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà kiết tập.

Vì chỗ lợi ích riêng cho một nhóm người đại căn đến cầu Pháp, chư Tổ trong Thiên tông dùng trực chỉ như tâm, kiến tánh thành Phật để khai thị, đôi khi in như bài xích Liên tông. Nhưng chính những lời ấy là chuyển ngữ đối với đương cơ, chứ chẳng phải lời thường dùng đối với tất cả.

Một hạng người tăng thượng mạn, tự cao, tự phụ theo kiến thức hẹp hòi của mình, vin theo tiếng vang văng vẳng ấy, đường hoàng đứng ra công kích môn Tịnh độ cùng khinh hủy người tu Tịnh nghiệp, để rồi chuốc lấy tội báng Phật, hủy Pháp, khinh Tăng. Vì môn niệm Phật vãng sanh là gốc từ Phật A Di Đà lập nguyện, đức Thích Ca Mâu Ni chỉ giáo và lực phương chư Phật tán dương, nay bác môn Tịnh độ thời là hủy báng chư Phật vậy. Đã từ nơi Phật tuyên dạy, thời môn Tịnh độ là giáo Pháp chuyên chánh; bác Tịnh độ chính là hủy báng chánh pháp vậy. Nơi hội Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền; trong hội Bát Nhã, đức Văn Thù cùng vô lượng Đại Bồ tát đều có lời phát nguyện vãng sanh Cực Lạc; Mã Minh đại sĩ có lời khuyên tu niệm Phật trong Luận Khởi Tín; Long Thọ Bồ tát được Phật thọ ký vãng sanh nơi pháp hội Lăng Già, cùng vô số bậc đại tổ sư của các tông Đại thừa, chẳng những Liên tông mà cả Thiên tông, Hoa Nghiêm tông, nhất là Pháp Hoa tông. Cho đến trong Duy Thức tông, ngài Thiên Thân, Ngài Khuy Cơ v.v...đều cực lực tán dương và hoằng truyền pháp môn Tịnh độ. Nay bác môn Tịnh độ hay khinh hủy người niệm Phật, thời chính là hủy báng chư Hiền Thánh Tăng vậy. Hủy báng Tam Bảo là nghiệp nhơn của quả báo địa ngục A- tỳ.

Ân Quang đại sư, một cao Tăng của cận đại, xót thương những kẻ nông nổi ấy, nương khẩu khí của Mộ Liên pháp sư ở Hồng Loa Sơn mà thuật ra tập quyết nghi này, để lấp bít cửa địa ngục cho họ.

Nguyện bản đề là Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, bản Việt dịch này tôi sửa lại là Thiên Tịnh Quyết Nghi.

Nơi tập này, chỉ trích chỗ nhận lầm của các nhà tu Thiên về pháp môn Tịnh độ với một lối lập luận chặt chẽ sâu sắc, Đại sư căn cứ vào giáo lý mà giảng giải tông thú của môn niệm Phật một cách rành rẽ.

Tập này có thể là kim chỉ nam cho người còn băng khuâng nơi hai nẻo đường: tu Thiên hay tu Tịnh? Và lèo lái cho những người phát tâm Phật rồi.

Với người tu Thiên, tập này chỉ cho biết rằng, có ngại gì kiêm tu niệm Phật để được bảo đảm cho quả giải thoát ở tương lai. Với người tu Tịnh, tập này sẽ hướng dẫn đến mục đích liên hoa hóa sanh và phá tan những tà thuyết bài bác của ma ngoại.

Người học Phật phải tu Phật, nghĩa là phải nhắm mục đích: chứng Phật quả, mới phải thật là đệ tử Phật.

Nên tâm sự xét: “ Ta có thể cứ tự lực vượt khỏi luân hồi để đến quả Viên mãn Bồ đề, hay cần phải nương Phật lực ?”

Ta phải bình tĩnh cân nhắc sự lợi hại, không nên quá tự phụ mà thành nông nổi.

Người có chút trí khôn, chẳng bao giờ chịu phí sức thời giờ nhúm lửa bằng cách cọ gỗ trước ngọn đuốc đang cháy bùng.

Kẻ quá ngông cuồng mới tự phụ cặp chân mình, rồi lội bộ băng rừng trèo núi để qua xứ Thiên Trúc trong khi tàu thủy đang chờ ở bến, phi cơ chực sẵn ở sân bay!

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, Phật dạy: “ Trong thời mạt pháp, chúng sanh chỉ nương sức niệm Phật mà ra khỏi luân hồi thôi”.

Kinh Bát Nhã, đức Phật đem sự chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật để đáp lời hỏi của đức Văn Thù Bồ tát về vấn đề: “ Thế nào mau đạt Vô thượng chánh giác ?”

Kinh A Di Đà, đức Phật nhiều lần lập lại câu: “ Các chúng sanh nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà...”

Kinh Hoa Nghiêm. Ngài Phổ Hiền; Kinh Bát Nhã Ngài Văn Thù đồng phát nguyện: “ Nguyện con đến lúc sắp lâm chung, tận mắt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi Cực Lạc”.

Văn Thù Bồ tát bảo Pháp Chiếu đại sư: “Muốn mau thành Phật không gì bằng chuyên niệm Phật A Di Đà...” Và Quán Thế Âm Bồ tát khuyên Từ Mãn Tam Tạng: “Ông muốn truyền pháp độ mình, độ người thì nên chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật và phát nguyện vãng sanh”

Hỡi các pháp hữu! Các đạo hữu! Hỡi những người có lòng muốn thoát ly cõi ngũ trược ác thế, những vị mong ra khỏi nẻo luân hồi, những bậc lập chí độ sanh! Các Ngài còn chần chờ gì nữa mà không kíp tuân lời Phật dạy, cùng đại Bồ tát khuyên mà chuyên tu niệm Phật!

Các Ngài còn ngại gì mà không noi gương chư Tổ sư, các cổ đức để phát nguyện cầu về Cực Lạc Tịnh Độ! Và các bạn còn nghi ngờ gì khi đã hiểu giáo lý, khi đã biết rõ rằng trước ta đã có vô số người được vãng sanh, đã được siêu phàm nhập Thánh nhờ tu Tịnh nghiệp!

(Trích: Thiên Tịnh Quyết Nghi)

Đại sư Ấn Quang là bậc long tượng trong thế kỷ này. Về Giáo thì thông cả Tam tạng, về Luật thì giới hạnh sáng rõ, về Thiền thì thấu triệt Tâm tông, về Tịnh thì tự hành hóa tha. Đúng là bậc thiện tri thức của mọi người, đáng là đấng Đại đạo sư của mọi giới.

Lời khai thị của Đại sư là khuôn vàng cho hàng Phật tử cùng noi, lời giảng dạy của Đại Sư là thước ngọc cho nhơn thế cùng bước.

Các thiện hữu hảo đồ ghi chép lại những chỗ giảng dạy khai thị của đại sư, in thành nhiều bộ sách để lưu truyền lợi ích cho đời, trong đó tập “ Tám bài thuyết pháp hộ quốc tiêu tai” là một.

Phương châm giáo hóa cuộc đời của Đại sư, có thể gom vào 16 chữ sau đây: “*Tránh dữ, làm lành, giới sát, ăn chay, tin sâu, nguyện thiết, niệm danh hiệu Phật*”.

Vì thế nên nội dung của tám bài thuyết pháp này cũng vẫn không ngoài 16 chữ trên.

Ôi! Khổ không ai chẳng chán mà ít người chịu tránh dữ; vui không ai chẳng ưa mà ít kẻ ham làm lành. Phạm phu ai cũng chê mà tối ngày tưởng nghĩ trần lao; Thánh nhơn ai cũng thích mà biến trở niệm Phật... Như thế thì nhơn quả còn chưa tin, chưa hiểu, nói chi đến diệu lý nghĩa huyền.

Nếu chịu nghe lời dạy khuyên thống thiết của Đại sư mà thực hành, thì tất nhiên sẽ được an lạc giải thoát. Phải biết: “ Muốn hái quả ngon phải trồng giống tốt, muốn được bóng thẳng phải sửa hình ngay”. Cá nhân làm lành, lánh dữ, ăn chay, niệm Phật, thì cá nhân an lạc; mọi người làm lành, lánh dữ, ăn chay, niệm Phật thì mọi người an lạc.

Những ai biết thương mình, lo đời, không thể không quan tâm cố gắng nơi đây vậy.

(Trích: Tám Bài Thuyết Pháp Của Ấn Quang Đại Sư)

---o0o---

Phần IV - PHỤ LỤC

TRUYỆN VÃNG SANH CÓ CHỨNG NGHIỆM

Những sự tích của các vị tu Tịnh độ được vãng sanh mà chúng ta được đọc đến, hầu hết là trích dịch ở sách Trung Quốc, mà những vị được vãng sanh kia là người Trung Quốc. Người nước ta tu Tịnh độ, từ xưa đến nay há lại không có người được vãng sanh ư? Nếu có, sao không thấy sách nào ghi đến? Có vãng sanh cùng chép vào sách là hai chuyện. Từ xưa đến nay, người nước ta tu Tịnh độ được vãng sanh rất nhiều, nhưng vì thiếu sót sự ký lục, thiếu sự lưu truyền, nên dù có nhiều mà ít người được biết. Có biết cũng cho riêng nhóm người được mục kích, nhưng rồi nó cũng theo thời gian mà phai lặn.

Chính tôi cũng từng nghe biết nhiều người tu Tịnh độ, khi lâm chung có chứng nghiệm chắc chắn được vãng sanh, nhưng vì không ghi chép, không thường lập lại trong trí, nên nay thấy sự khuyết điểm như vừa nói ở trên, muốn tường thuật lại thì đã quên lãng gần hết, hoặc nhớ người mà quên tên họ, năm tháng v.v... Ghi chép mà không rành rẽ tên họ, chỗ nơi, thời làm thế nào mà thủ tín được!

Vài sự tích chép dưới đây may chăng nó có thể làm tiên phong bỏ cứu điều khuyết điểm trên, mà từ đây về sau, lần lượt mọi người đều được đọc những trang tiểu sử vãng sanh có chứng nghiệm của các nhà đạo tâm vì mục đích vị tha tường thuật, để thực nghiệm lời Phật dạy và nảy nở tín tâm của mình.

Ngày 10 tháng 10 năm Mậu Tý (DL. 1948)

---o0o---

1. NÁN LẠI MỘT NGÀY

Bà Nguyễn Thị Danh, pháp danh Đạt Nhiên, người làng Thanh Hà, hạt Chợ Lớn.

Gần 60 tuổi mới phát tâm cầu đạo. Thọ pháp với sư cụ chùa Tôn Thạnh, chuyên tâm tu Tịnh nghiệp. Đến năm Ất Dậu (DL. 1945), năm 68 tuổi, bà nhuộm bệnh, biết trước giờ vãng sanh. Ngày 07 tháng 04, bà sai người đến Chùa Tôn Thạnh thỉnh Sư cụ Liễu Toàn rằng : “Ngày 08 tháng 04 này, bà theo Phật, xin thỉnh Sư cụ đến ngày đó xuống nhà để bà từ tạ”

Nhưng vì ngày 08 tháng 04 là ngày lễ Đản sanh của đức Thích Ca, Sư cụ mắc ở Chùa hành lễ, nên thành ra sáng mùng 09 Sư cụ mới xuống đến. Thấy Sư cụ bà mừng rỡ mà bạch rằng: “ Từ hôm qua đến nay tôi trông Thầy lắm. Trước khi về Phật, tôi muốn gặp Thầy để tạ từ. Đáng lẽ tôi đã đi từ trưa hôm qua, song vì chờ Thầy nên tôi phải nán lại đến hôm nay. Bây giờ tôi sắp đi xin Thầy hộ cho một biển kinh!”

Sư cụ cùng vài người đệ tử lên trước bàn Phật tụng kinh A Di Đà, vừa xong quyền, thời Bà ngồi chấp tay niệm Phật mà quy Tây. Bà có hai người con trai đều xuất gia, hiện đương coi chùa Linh Phong tại làng Tân Hiệp tỉnh Mỹ Tho.

---o0o---

2. Y NGUYỆN VÃNG SANH

Bà Trần Thị Lai, người ở làng Tân Kim, hạt Chợ Lớn.

Năm 45 tuổi, phát tâm tu hành. Có lời nguyện rằng: “ Con quyết chí tu hành, xin Phật cho con được vãng sanh vào ngày vía đức Phật A Di Đà (17 tháng 11)”

Quả nhiên đến ngày 17 năm Đinh Hợi (DL. 1947), bà niệm Phật mà từ trần.

Con cháu của bà đều xuất gia, hiện nay đang tu tại chùa Pháp Tánh (làng Tân Kim, Chợ Lớn)

---o0o---

3. BIẾT TRƯỚC NGÀY GIỜ VÃNG SANH

Ông Hồ Văn Định, người làng Long An, Chợ Lớn.

Năm 42 tuổi, phát tâm mộ đạo, chuyên ròng niệm Phật tụng kinh.

Đến năm mậu Tý (DL. 1948) ngày mùng 03 tháng 09, ông nói trước với vợ con ông rằng: “Đến giờ thân, thời tôi về Phật!”. Thật đến giờ thân ông chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Ba tích vãng sanh trên đây của Sư cụ Liễu Thoàn (Hoà Thượng chùa Tôn Thạnh ở Cần Giuộc) tường thuật. Sư cụ tự nói rằng, những người tu Tịnh Độ lúc lâm chung, có thực nghiệm là được vãng sanh. Sư cụ tường thuật đây, đều là tận mắt Sư cụ mục kích trong khi Sư cụ đến hộ niệm. Ngoài ra, Sư cụ còn thuật thêm bảy người nữa, như ông Nguyễn Văn Xá (làng Duy Đức) niệm Phật chờ mây trắng đến mà từ trần; Cô Nguyễn Thị Sao (Làng Mỹ Lệ), trước giờ lâm chung thấy ba lần móng bạc xẹt ngang mình từ Đông sang Tây v.v...

Ôi! Sanh không biết từ đâu đến, chết không biết sẽ về đâu. Hãi hùng kinh sợ, giật mình lặn lội, mắt trợn ngược, miệng méo xéch, ngọp hơi, cứng lưỡi, chân rút, tay vịn v.v... kể sao cho hết cảnh trạng thống khổ trong khi sắp chết của một phần đông trong số người cả đời không biết gì là điều lành, là đạo đức.

Muốn “Tử an”, há lại dễ được lắm ư!. Câu “Tử khổ” từ xưa đức Phật đã từng nhắc! Muốn khỏi “Tử khổ” phải làm thế nào?

Kinh nói: “Khi con người sắp chết, thời tất cả cảnh tượng của những điều ác hay lành trọn trong đời của người đó gây tạo đều tuần tự phô diễn lại trong trí của người đó. Nếu cảnh dữ thời sẽ chết một cách đau khổ, sợ sệt; còn cảnh lành thời đi một cách an vui vững vàng” Biết trước ngày giờ mình sẽ từ giã thân ô trược này, khi đi thông dong tự tại, là những điều lành dành riêng cho những người hành đạo chân chánh và đã dốc lực, mà dễ được nhất là người tu về pháp môn Tịnh độ (niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc)

Ngày thường đã tu Tịnh Độ, thời là đã vun trồng chánh nhân Tịnh độ. Nhân lành thời có kết quả lành. Trong kinh đức Phật có dạy; “Này Xá Lợi Phất! nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà... nơi cõi kia hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay sinh về, hoặc sẽ sanh về”

Lời của đức Phật, đáng Thiên nhân sư phán ra, quyết định là đúng thật. Đó là điều mà từ xưa đến nay, người có chánh tín, không ai là không công nhận pháp môn Tịnh độ

(niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc) là pháp môn vừa thù thắng nhất, vừa giản tiện nhất. Đó là lời các vị Tổ sư thường nói.

Thù thắng nhất, vì người tu Tịnh độ mau chứng bậc “Bất thối”, mau “Thành Phật” cho đến Ngài Phổ Hiền, Ngài Văn Thù là bậc Pháp Vương Tử mà còn nguyện sanh thay!

Giản tiện nhất, vì mọi người bất luận là trí, ngu, nam, nữ đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu.

Xem như nguyện của bà Danh v.v...đến già mới phát tâm. Thời gian tu hành không bao lâu, mà đều có phần tự tại an vui khi lâm chung: người thì ngừng sự chết lại, người thì y như chỗ mình nguyện cầu, người biết rõ giờ khắc...Những sự tự tại an vui khi lâm chung của người tu Tịnh độ, là thoai ứng được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc vậy.

Người tu Tịnh độ được như thế là do nhờ sức đại nguyện của đức Phật A Di Đà nhiếp thọ.

Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật A Di Đà khi tu hạnh Bồ tát, có phát 48 điều đại nguyện để nhiếp thọ chúng sanh. Ngài đã thực hành đầy đủ 48 điều đó, và hiện tại cũng như vị lai, Ngài vẫn dùng 48 điều đại nguyện đó tỏa khắp pháp giới để tiếp độ muôn loài.

---o0o---

4. BÀ LÝ THỊ CÚC

Sinh quán tại Bình Tây, Chợ Lớn.

Năm 18 tuổi, bà phối duyên cùng ông Trần Thu Cơ, sanh được hai người con trai. Vợ chồng ly dị. Không bao lâu hai người con trai chết, bà vẫn thủ tiết lo buôn bán tự nuôi sống, phát tâm quy y Tam Bảo với Pháp danh Diệu Thu. Rồi lúc ở Huế, lúc ở Chợ Lớn, khi ở Bạc Liêu... Cuối cùng do chiến tranh, năm 1946, bà về Chợ Lớn thuê một ngôi nhà nhỏ gần đình Minh Phụng (đường Chợ Lớn, Phú Lâm) rồi ở đó một mình cho đến ngày rời bỏ cõi trần.

Trải bao phen đau khổ vì gia đình cũng như nổi tai biến, bà giác ngộ cõi đời là biển khổ, đường đạo là chốn lành. Đạo tâm của bà mỗi ngày thêm mạnh, thêm lớn.

Đi chùa lễ Phật cùng cô xướng những việc cúng dường Tam Bảo là việc làm hằng ngày của bà. Bà thích may phan cúng Phật. Lúc không đủ tiền, bà xin hàng vải của các bà thân hữu, rồi ra công may. Cặp phan dâng vào chùa Hải Ấn trước ngày bà mất hơn một tuần, là cặp phan sau rớt chính tay bà may.

Mùa đông năm 1955, bà tham gia đoàn thể Cục Lạc Liên Hữu ở đạo tràng Vạn Đức, cùng thỉnh số Niệm Phật Công Cứ. Từ đó trở đi, bà cần mẫn niệm Phật A Di Đà, tha thiết cầu sanh Cục Lạc thế giới.

Người ta thuật lại, có lúc bà lễ Phật, kêu cầu đức Từ phụ A Di Đà thương xót tiếp độ cho bà đến nước mắt ràn rụa, tiếng thổn thức từng hồi trong cổ. Tình cảnh không khác đứa con thơ đang bị nạn mà kêu cầu cha mẹ cứu giúp.

Hạ tuần tháng 11 âm lịch năm Bính Thân (1956), sau khi vãng cảnh Long Hải nước ngọt về bà nhuốm bệnh. Vì thấy bà ở có một mình, ngày 23 Cô Chín, cháu bà rước bà về dưỡng bệnh tại nhà Cô gần chợ Phú Lâm.

Trong những ngày nằm bệnh, từ những đồ vật mượn gởi cùng những của riêng, bà dọn dò giao trả cũng như phân chia, tất cả đều rành rẽ. Và cũng trong những ngày ấy, bà niệm Phật rất chuyên cần..

Chiều ngày 30, Cô Hoàng Anh, cháu bà đến thăm, bà nói: “ 10 giờ sáng mai dì sẽ về Minh Phụng, không còn ở Phú Lâm đâu”

Đến tối mặc dù bệnh thêm nặng, nhưng bà vẫn niệm Phật không ngớt và có vẻ thiết tha hơn lúc thường.

Sáng sớm ngày mùng 01 tháng chạp sau khi bà ăn xong một chén cháo, thấy tay chân bà lạnh, mấy người đưa bà về nhà riêng của bà ở gần đình Minh Phụng.

Được tin, cô hai Diệu Nghiêm lại nhà thay y phục cho bà. Tiếp đến, cô tám Diệu Cúc, cô Diệu Hiếu, cô Diệu Lộc đồng đến niệm Phật trợ duyên cho bà. Bấy giờ, bà nằm ngay thẳng yên lặng để nghe niệm Phật.

Một lát sau, Thầy trụ trì Phước Cần đi tới với hai học Tăng đến khai kinh A Di Đà. Khi tụng đến đoạn: “ Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cục Lạc...” thời bà hơi động hai vai rồi tắt thở một cách rất êm ái, thân vẫn nằm yên như ngủ. Lúc bấy giờ là 10g sáng. Mọi người vẫn tiếp tục niệm Phật.

Sau khi mất, sắc diện của bà tươi tắn khác thường, nét mặt vui vẻ như cười.

02 giờ chiều hôm ấy, bà hội đồng Thánh từ Vũng Tàu về, rồi cùng với cô hai Diệu Nghiêm y theo lời trong kinh luận mà khám hơi nóng trong thi hài, thời cả mình đều lạnh, chỉ đỉnh đầu là còn nóng. 04 giờ, cô hai Diệu Nghiêm thấy tóc bà hơi rối, nên lấy lược gỡ, thoát trong tóc có mùi thơm, cô gọi các bà đến khoe sự ấy.

Giờ ngọ ngày mùng 02, làm lễ nhập mạch, cách giờ bà mất đã 26 tiếng đồng hồ, mà nét mặt bà vẫn tươi vui, da mặt trắng như dồi phấn, có phần nở nang xinh đẹp hơn lúc còn sống, toàn thân không có chút mùi hôi, gỏi chiếu vẫn khô ráo không âm ỷ. Người đến dự lễ ai cũng khen là rất ít có. Cho đến những người từ trước rất sợ thầy người chết, mà cũng muốn nhìn gương mặt của thi hài bà.

Sau khi kiểm lại đồ vật riêng của bà, thời thấy cuốn sổ Niệm Phật Công Cứ đã chắm đầy 5 trương (Mỗi trương 378.000 câu hiệu Phật).

Bà thọ được 73 tuổi.

---o0o---

Lời phụ:

Xét tình hình khi sắp mất và sau khi mất, bà Diệu Thu có nhiều điểm chứng nghiệm được vãng sanh Cực Lạc.

Những ngày bệnh cho đến giờ tạ thế, bà không ngớt niệm Phật, bệnh càng nặng sự niệm Phật của bà càng thành khẩn. Đây là điểm “Chánh niệm vững vàng”.

Sau khi mất đến 26 tiếng đồng hồ, thi hài bà vẫn không thay đổi, như người nằm ngủ, lại thêm có phần tươi vui nhuần thấm hơn lúc bà còn sanh tiền. Đây là điểm “Thiện căn, thiện quả”.

Sau khi mất, trong tóc bà phát ra mùi thơm như mùi trầm. đây là điểm “Tịnh nhon, tịnh báo”.

Cả mình lạnh, đỉnh đầu nóng sau cùng. Đây là điểm chứng cứ được vãng sanh cụ thể nhất. Vì y theo kinh luận, thời thân thể người chết, nếu đỉnh đầu nóng sau rớt, khi cả mình đều lạnh, thời đó là một vị đã siêu phàm nhập Thánh. Người được vãng sanh Cực Lạc không luận hạng nào, dù là bậc tối Hạ phẩm đều dự vào hàng Thánh giải thoát cả.

Ôi! Với thân thể một phụ nhon cư sĩ, bà Diệu Thu đã nhờ công phu niệm Phật theo châm ngôn “Lánh dữ làm lành, tin sâu nguyện thiết” mà được hiện đời vượt khỏi vòng sanh tử luân hồi, siêu sanh Tịnh độ. Thế là bà đã hân hạnh được ở cõi Phật, thường được gần Phật A Di Đà, cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chư Đại Bồ tát Thượng thiện, và bà đã dự được hàng Thánh Đại thừa thành bậc Bất thối chuyển.

Thế mới biết rằng, nguyện lực của Phật A Di Đà thật rõ là từ bi bất tư nghị; pháp môn niệm Phật rất hợp với căn cơ của nhon loại, rất giản tiện dễ tu, mà công lại cao, quả lại lớn.

Những ai có chí siêu phàm, muốn giải thoát cho mình, cho người, cho muôn loài, thiết tưởng chỉ nương theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mới có thể được toại nguyện mà thôi.

Như trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng bảo: “Trong thời mạt pháp, chúng sanh chỉ nương pháp môn niệm Phật A Di Đà mà ra khỏi luân hồi”.

Kinh Bát Nhã, đức Thích Tôn bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: “ Xưng danh hiệu của A Di Đà Phật, thời mau được quả Vô Thượng Bồ đề... ”.

Và Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát đã đem lời của Đức Thế Tôn truyền lại cho Pháp Chiếu Đại Sư: “ Muốn mau thành Phật, không gì bằng chuyên niệm Phật A Di Đà...”

Sau rớt xin chép lời của đức Bốn sư thọ ký trong kinh Tiểu Bản để làm lời kết của bài này: “ Nếu có người hoặc đã phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, những người ấy đều được chẳng thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nơi cõi Cực Lạc, hoặc đã sanh, được sanh, sẽ được sanh”

---o0o---

48 ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

01. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trong cõi nước của tôi còn có địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

02. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, mà hàng Trời, Người trong cõi nước tôi, sau khi mạng chung còn đọa vào ba ác đạo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác

03. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, tất cả thân thể của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi, chẳng thuần sắc vàng ròng cả, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác

04. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, mà hình sắc của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi tốt xấu không đồng nhau, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác

05. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong nước tôi chẳng biết Túc mạng, ít nhất là biết những việc trong trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

06. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đặng Thiên nhãn, ít nhất là thấy trăm nghìn ức vô số cõi nước của Chư Phật, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

07. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đặng Thiên nhĩ, ít nhất là nghe lời nói khắp của trăm ngàn ức vô số đức Phật mà chẳng thọ trì toàn vẹn được, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

08. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đặng Tha tâm trí, ít nhất là rõ biết tâm niệm của chúng sanh trong nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

09. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đặng Thần túc thông, trong khoảng một niệm, ít nhất chẳng vượt qua được trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

10. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, nếu hàng Trời, Người trong cõi nước tôi còn sanh lòng tham chấp nơi thân mình, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

11. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng trụ trong dòng chánh định mãi đến lúc thành Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

12. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, ánh sáng của tôi còn hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

13. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, thọ mạng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất là trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

14. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, có người tính đếm biết đặng số của hàng Thanh văn trong cõi nước tôi, hoặc giả nhân đến tất cả chúng sanh trong hàng Tam thiên Đại thiên đều thành bậc Duyên giác, cùng nhau đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp mà biết được số Thanh văn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

15. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, thọ mạng của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi không có hạn lượng, trừ khi họ có bốn nguyện riêng, dài ngắn tự tại theo ý muốn, nếu không đặng vậy, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

16. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi nhân đến có nghe tên bất thiện, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

17. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các đức Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương không đều ngợi khen xưng danh hiệu tôi, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

18. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tín nhạo muốn sanh về cõi nước tôi, nhân đến trong mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch và chê bai chánh pháp.

19. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sanh về cõi nước tôi, đến lúc người đó mạng chung, nếu tôi chẳng cùng với đại chúng vây quanh hiện ra nơi trước người đó, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

20. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, để tâm nơi nước của tôi, vun trồng cõi công đức chí tâm hồi hướng muốn sanh về cõi nước của tôi, nếu không được quả toại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

21. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đều thành tựu đầy đủ 32 tướng đại nhân, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

22. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi Phật phương khác sanh về cõi nước tôi, rốt ráo chắc đến bậc nhất sanh Bồ xứ, trừ những vị có bốn nguyện, muốn tự tại hóa độ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoàng thể, chứa nhóm cõi công đức, độ thoát mọi loài, đi qua cõi nước của chư Phật tu hạnh Bồ tát, cúng dường các đức Phật Như Lai ở mười phương, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sanh làm cho trụ vào Vô thượng Chánh nhân, vượt ngoài hạnh tu tuần thứ theo địa vị của hạng tầm thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền. Nếu chẳng được như thế, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

23. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi nương thần lực của Phật mà đi cúng dường các đức Phật Như Lai, chừng trong khoảng một bữa ăn mà chẳng có thể đến khắp vô số, vô lượng ức Na do tha cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

24. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi, ở trước chư Phật hiện cõi công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường chư Phật, nếu chẳng có đúng như ý muốn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

25. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi không thể diễn nói nhất thiết trí, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

26. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi không đặng thân kim cang bền chắc, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

27. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trong cõi nước tôi những hàng Trời, Người, tất cả muôn vật đều đẹp đẽ trong sạch sáng rõ, hình sắc lạ thường rất nhiệm, rất màu, không ai có thể cân lường được. Những chúng sanh kia nhân đến người được Thiên nhân mà có thể biện biết rõ ràng danh số của những vật trên đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

28. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát trong cõi nước tôi nhân đến những vị công đức kém ít mà không thấy biết được Đạo Tràng Thọ cao bốn trăm muôn dặm, vô lượng màu sắc, vô lượng ánh sáng, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

29. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, nếu Bồ tát trong cõi nước tôi đọc kinh pháp, phóng tụng pháp, phóng tụng thọ trì, giảng thuyết mà không đặng trí huệ biện tài, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

30. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ tát trong cõi nước tôi, nếu có người hạng lượng được đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

31. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, cõi nước của tôi thanh tịnh, thấy đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật mười phương, dường như gương sáng soi thấy rõ bóng mặt, nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

32. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trong cõi nước tôi, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa... Tất cả muôn vật đều do vô lượng chất báu đẹp cùng trăm nghìn thứ hương thơm hiệp chung lại làm thành, nghiêm sức tốt lạ, hơn hẳn hàng Trời. Mùi thơm của những vật ấy xông khắp cả cõi nước ở mười phương, Bồ tát nào nghĩ được hơi hương ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu không đặng như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

33. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương, được ánh sáng của tôi chiếu đến thân, thời thân tâm của chúng sanh ấy hòa dịu hơn hẳn hàng Trời, Người. Nếu không đặng như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

34. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà chẳng đặng các môn Tổng trì sâu mầu cùng vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

35. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, những người nữ trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm nhằm ghét thân gái, nếu sau khi mạng chung còn thọ thân gái trở lại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

36. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, thời sau khi mạng chung vẫn thường tu hạnh thanh tịnh đến lúc thành Phật đạo. Nếu không đặng như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

37. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Trời, Người nhân dân trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu lễ lạy, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ tát thời các hàng Trời, Người đều kính trọng đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

38. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi muốn đặng y phục, thời những y phục tốt đẹp đúng pháp như đức Phật ngợi khen liền tùy niệm tự nhiên hiện đến trên thân, nếu còn phải cần may vá, đập nhuộm... tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

39. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi hưởng thọ sự vui sướng không bằng bậc Lưu Tận Tỷ Kheo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

40. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi, tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương, tức thời ở trong cây báu thấy đều soi thấy rõ ràng đúng như ý muốn chẳng khác gương sáng soi thấy bóng mặt. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

41. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mãi đến lúc thành Phật, nếu các căn thiếu xấu chẳng đầy đủ, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

42. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi thấy đều chứng đặng “Chánh định thanh tịnh giải thoát”. Trụ trong chánh định đó, trong khoảng móng niệm liền cúng dường khắp vô lượng bất khả tư nghị của đức Phật Thế Tôn, mà vẫn không sao mất tâm chánh định. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

43. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi phương khác nghe danh tự của tôi, sau khi mạng chung sanh vào nhà tôn quý. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

44. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, vui mừng hớn hở, tu hạnh Bồ tát đầy đủ cõi công đức. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

45. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi phương khác nghe danh tự của tôi, thấy đều chứng đặng “Chánh định Phổ đẳng” Trụ trong chánh định đó, mãi đến lúc thành Phật, thường thấy tất cả vô lượng bất khả tư nghị các đức Phật. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

46. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi tùy ý muốn nghe pháp chi, thời tự nhiên liền đặng nghe pháp đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

47. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi phương khác nghe danh tự của tôi, chẳng liền đặng bậc “Bất thối chuyển”, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

48. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi phương khác nghe danh tự của tôi, mà chẳng liền chứng đặng bậc “Âm hưởng nhẫn”, “Nhu nhuận nhẫn” và “Vô sanh pháp nhẫn”, cùng ở nơi pháp của chư Phật mà chẳng liền đặng “Bậc bất thối chuyển”, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

Trong kinh lại nói: “Sau khi thuật 48 điều đại nguyện xong, đức Phật phán tiếp:

“Này A Nan! Ngài Pháp Tạng Tỷ kheo (Tiền thân của đức Phật A Di Đà) vừa phát nguyện và nói tụng xong, liền đó khắp cõi đại địa sáu diệu vang động. Trời rưới hoa báu để rải trên mình Ngài Pháp Tạng. Âm nhạc tự nhiên trên hư không vang ra tiếng khen rằng: “Quyết định chứng thành quả Vô Thượng Chánh Giác” Đó rồi Ngài Pháp Tạng Tỷ kheo tu hoàn toàn đầy đủ các đại nguyện như thế chắc thật chẳng dối... Pháp Tạng Bồ tát nay đã thành Phật hiện ở nước Cực Lạc bên phương Tây, cách đây mười muôn ức cõi...”

Mười phương chư Phật ba đời

Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sanh

Sen vàng chín phẩm sẵn dành

Oai linh đức cả đã dành vô biên.

Nam Mô Lạc Bang Giáo Chủ Đại Từ Bi Phụ A Di Đà Phật

---o0o---

LỜI SAU CÙNG

Tôi từ bé đã bệnh yếu lại thêm càng ngày càng cận. Lúc tôi cầm viết ghi mấy dòng này là lúc đôi mắt đã bệnh nhiều suốt hơn một năm, kể từ đầu tháng tám năm ngoái, năm Mậu Thìn (1988), nay chỉ nhìn chữ thấy mờ.

Hồi nhớ lại từ ngày vào đạo, theo nghĩa thế tục, đến nay đã hơn nửa thế kỷ, luôn luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, dạy kinh, giảng kinh và phiên dịch kinh từ Hán tạng ra Việt văn làm chánh hạnh đời mình.

Năm 1947, bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa là bộ kinh đầu tiên được ấn hành, kế đến là Phổ Hiền Hạnh Nguyện, bộ Tam Bảo, bộ Kinh Địa Tạng Bốn Nguyên v.v... Đến năm 1953, bộ Đường Về Cực Lạc hai tập được ra đời. Do bộ này mà hai năm sau, năm 1955, hội Cực Lạc Liên Hữu được thành lập, lấy chùa Vạn Đức ở Thủ Đức làm trung tâm và ngày mùng 06 tháng 08, ngày khánh lễ Tổ Huệ Viễn là ngày đại hội thường niên. Nhớ lại biết bao đạo tình đạo nghĩa của bao nhiêu Hoà Thượng, Thượng Tọa, Ni Sư, Đại Đức, Sư Cô, bao nhiêu Tăng Ni cùng các đạo hữu cư sĩ từ các tỉnh miền Nam nước Việt, có cả các vị từ Nam Vang (Cambodge) cũng về dự đại hội, tiếng niệm hồng danh đức Phật, số ghi công đức niệm Phật được lan rộng gần xa...

Tôi ghi vài dòng trên đây là có ý ghi lại ảnh hưởng của bộ Đường Về Cực Lạc.

Rồi các năm sau, những bộ kinh khác do tôi phiên dịch được tiếp tục ấn hành, như là bộ kinh Hoa Nghiêm, bộ kinh Đại Bát Niết Bàn, bộ kinh Đại Bát Nhã. Những năm 1970, tôi dịch xong bộ kinh Đại Bửu Tích, và mãi đến năm 1987 mới được bắt đầu ấn hành. Vì những năm trước đó điều kiện ấn hành không được thuận lợi, nên cũng làm uể oải tinh thần dịch kinh, nên tôi không sốt sắng phiên dịch thêm, để thời gian quý báu tuần tự trôi qua trong lúc tuổi già thật là đáng tiếc. Nhờ vào sự ấn hành bộ kinh Đại Bửu Tích, thúc đẩy tôi phấn khởi, nên trong ba tháng liền an cư năm 1988, tôi dịch xong bộ kinh Đại Tập, và nó được ấn hành tiếp nối bộ kinh Đại Bửu Tích. Muốn được thuận lợi, tôi vẫn đề là kinh Đại Bửu Tích, Hán tạng bộ Hạ..

Bộ kinh Đại Bửu Tích Hán văn được lưu hành từ xưa nay, vì thế theo ba môn Vô lậu học Giới Định Huệ, nên Ngài Bồ Đề Lưu Chi để pháp hội Tam Tự Tịnh Giới ở đầu bộ

kinh. Bộ Việt văn này, tôi thể theo Tam Bảo Phật Pháp Tăng nên tôi để Vô Lượng Thọ Phật khởi đầu, và cũng muốn cho người đọc lúc mở kinh ra đã kết duyên với đức Phật A Di Đà, đức Phật đã được giới thiệu trong nhiều bộ kinh Đại thừa, và cũng là hồng danh mà phần lớn phật tử ta luôn trì niệm. Nếu các pháp hữu muốn so với bộ Hán văn, chỉ giản đơn sửa tập I Việt văn thành tập II và sửa Việt văn tập II thành tập I là hai bộ Hán và Việt ăn khớp nhau.

Nội dung bộ Đại Bửu Tích Hán văn đến pháp hội Quảng Bác Tiên Nhơn là hết, nhưng hết với nửa chừng. Trong bộ Việt văn này, tôi sưu tầm trong Đại tạng, bổ sung phần cuối trọn vẹn cho pháp hội này. Và cũng từ Đại tạng, tôi dịch thêm pháp hội Diệu Cát Tường Bồ Tát.

Tiếp theo đó, nếu các pháp hữu thấy pháp hội nào có câu “Đức Phật ngự tại giữa khoảng cõi dục và cõi sắc trong Đại Bửu Phướng Đỉnh” thì đó chính là kinh Đại Tập. Cũng từ trong Đại Tạng, tôi phiên dịch thêm pháp hội Vô Tận Ý Bồ Tát nối sau bộ kinh Đại Tập hán văn đã lưu hành và để kết thúc toàn bộ kinh Đại Bửu Tích Việt văn, tôi đặt pháp hội Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Chư pháp hữu thân mến! Cho phép tôi được dùng từ này để gọi tất cả các giới Phật tử xuất gia cũng như tại gia. Tôi có ý nguyện nhỏ, dù nhỏ nhưng là tận đáy lòng thiết tha, muốn cùng các pháp hữu, tất cả các pháp hữu, những ai có đọc, có tụng, có nghe thấy những quyển kinh sách do tôi dịch soạn, sẽ là người bạn quyến thuộc thân thích với tôi đời này và mãi mãi những đời sau, cùng nhau kết pháp duyên, cùng nhau dự pháp hội, cùng đi dắt nhau, đi dắt tôi để được vững bước mãi trên con đường đạo dài xa, con đường đạo nhiều trở ngại chông gai lồng giũa cõi đời thế tục mà lớp vỏ cứng của nó là lợi danh ngũ dục, sức mạnh của nó là con lốc bát phong. Tôi chân thành nói lên câu cần đi dắt nhau. Vì vào giây phút mà tôi đang nguệch ngoạc ghi lại vài dòng này, chính tôi, phải chính tôi, không dám ngừng mặt tự xưng là Tỷ kheo chơn chánh, chỉ biết như thảo phú địa nhất tâm sám hối mười phương pháp giới

Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát.

*Chùa Vạn Đức
Ngày Trùng Cửu
Năm Kỷ Tỵ (08 – 10 - 1989)
Thích Trí Tịnh căn chí*

---o0o---
HẾT